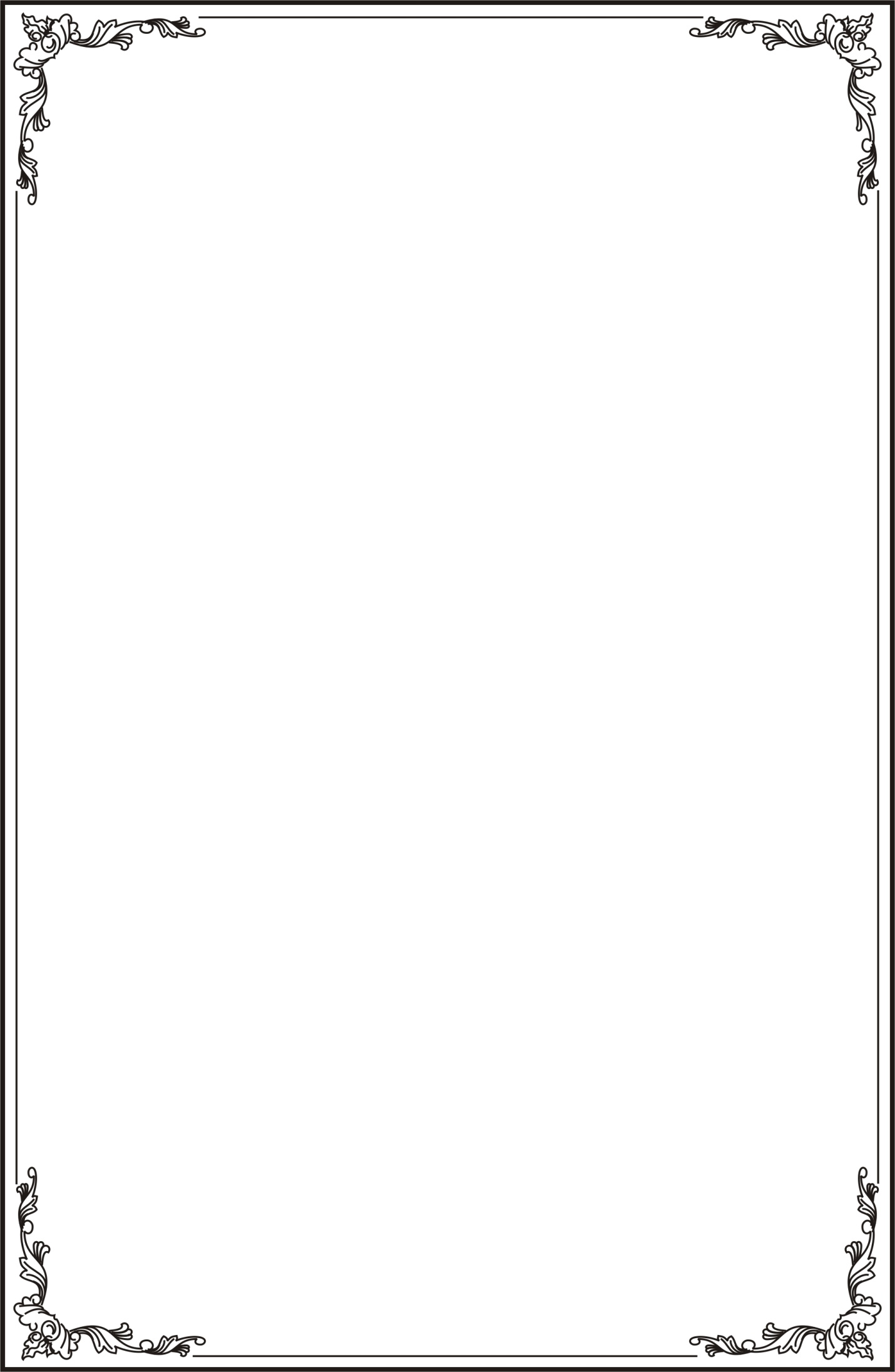
****

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**---🙠**🕮**🙢---**

****

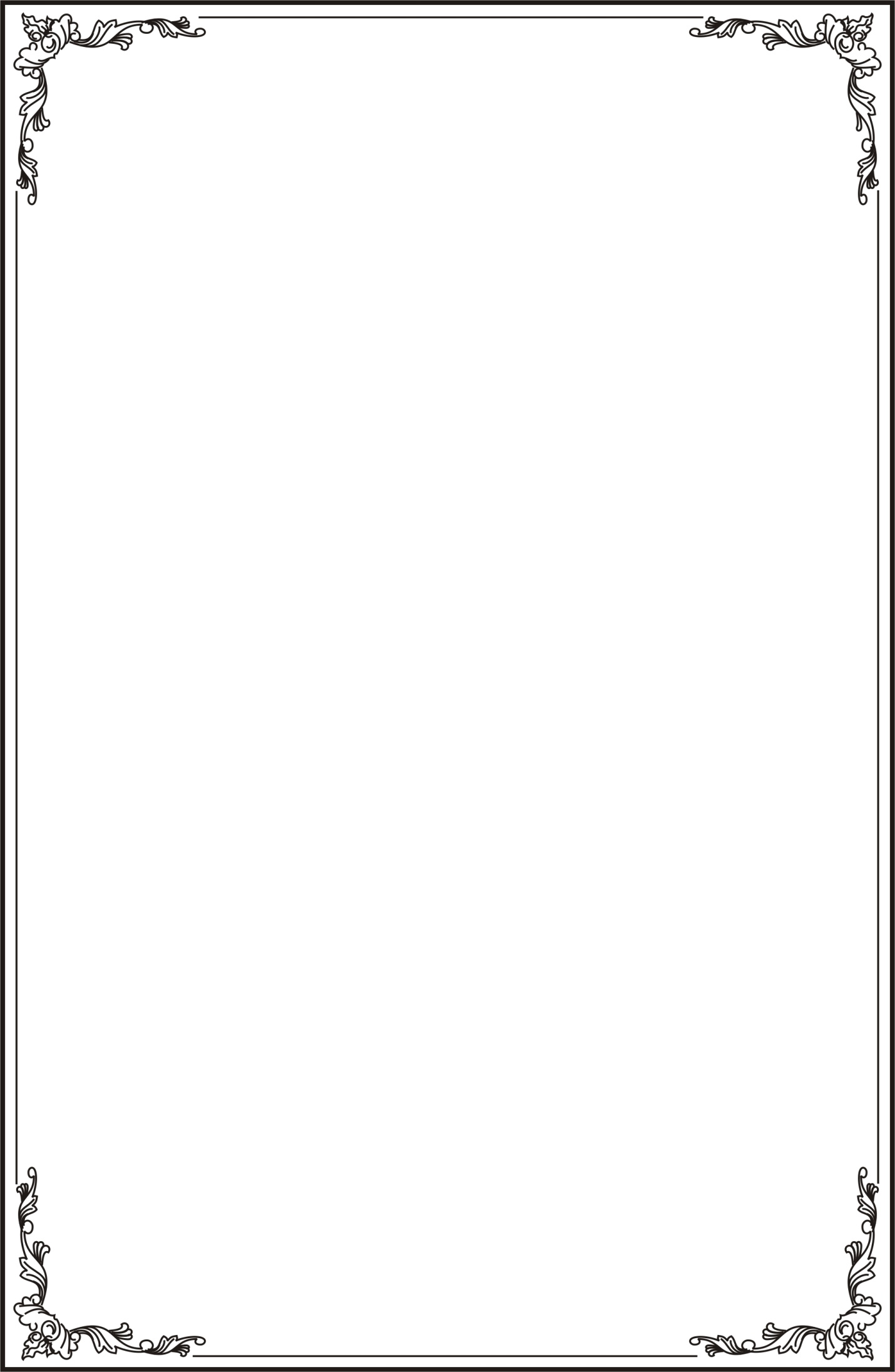
# TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT**

**CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ, HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**

**NĂM 2017**

***Khánh Hòa, tháng 10/2017***

****

# PHẦN I

**TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KIỂM SÁT**

**VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ - HÔN NHÂN GIA ĐÌNH CỦA VIỆN KIỂM SÁT**

**HAI CẤP TỈNH KHÁNH HÒA**

**TỪ NGÀY 01/12/2016 – 30/9/2017**

**I. Tình hình công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình của Viện kiểm sát hai cấp từ ngày 01/12/2016 đến ngày 30/9/2017:**

***1. Kết quả giải quyết sơ thẩm các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình của Viện kiểm sát hai cấp:***

**- Viện kiểm sát thụ lý :** **5.504 vụ, 182 việc** (cũ: 1.378 vụ, 22 việc; **mới: 4.126 vụ, 160 việc). Tăng 384 vụ, 57 việc.**

Trong đó: Án cũ phục hồi: 218 vụ, 02 việc (dân sự: 172 vụ, 02 việc; hôn nhân: 46 vụ).

+ Án dân sự: **1.790 vụ, 52 việc** (cũ: 671 vụ, 15 việc**; mới: 1.119 vụ, 37 việc).**

+ Án hôn nhân: **3.714 vụ, 130 việc** (cũ: 707 vụ, 07 việc; **mới: 3.007 vụ, 123 việc).**

**- Tòa án đã giải quyết: 5.222 vụ, 171 việc, chiếm tỉ lệ 94.8% án thụ lý, tăng 228 vụ, 65 việc**(dân sự: 1.604 vụ, 47 việc; hôn nhân: 3.618 vụ, 124 việc). Trong đó:

+ Mở phiên họp: 42 việc (dân sự: 37, hôn nhân: 05).

+Tạm đình chỉ: 155 vụ, 01 việc (dân sự: 140 vụ, 01 việc; hôn nhân: 15 vụ).

+ Đình chỉ: 1.605 vụ, 19 việc (dân sự: 812 vụ, 9 việc; hôn nhân: 793 vụ, 10 việc).

+ CNSTTCĐS: 2.363 vụ, 109 việc (dân sự: 257 vụ; hôn nhân: 2.106 vụ, 109 việc).

+ Xét xử: 1.031 vụ (dân sự: 335 vụ, hôn nhân: 696 vụ).

+ Chuyển vụ án : 66 vụ, 01 việc (dân sự: 58 vụ, 01 việc; hôn nhân: 08 vụ).

+ Nhập vụ án: 02 vụ (dân sự: 02 vụ, hôn nhân: 00).

**- Hiện còn: 282 vụ, 11 việc, chiếm tỉ lệ 5.2% án thụ lý,** (dân sự: 186 vụ, 05 việc; hôn nhân: 96 vụ, 06 việc).

***2/ Kết quả giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình cấp huyện có kháng cáo, kháng nghị đã được cấp phúc thẩm giải quyết:***

***- Số vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình sơ thẩm cấp huyện có kháng cáo, kháng nghị: 79 vụ, 08 việc, Trong đó:***

***+ Kháng nghị: 06 vụ, 01 việc (Tỉnh 05 vụ; huyện 01 vụ, 01 việc )***

***+ Kháng cáo: 73 vụ, 07 việc.***

- Viện kiểm sát thụ lý kiểm sát: 79 vụ, 08 việc (cũ: 28 vụ; mới: 51 vụ, 08 việc).

Trong đó: Án cũ phục hồi: 03 vụ (dân sự: 03 vụ; hôn nhân: 00).

+ Án dân sự : 63 vụ, 07 việc (cũ: 25 vụ; mới: 38 vụ, 07 việc).

+ Án hôn nhân: 16 vụ, 01 việc (cũ: 03 vụ; mới: 13 vụ, 01 việc).

- Tòa án đã giải quyết: 79 vụ, 08 việc (dân sự: 63 vụ, 07 việc; hôn nhân: 16 vụ, 01 việc), trong đó:

+ Mở phiên họp: 08 việc (dân sự: 07; hôn nhân: 01). Trong đó: 04 việc Y quyết định; 01 việc đình chỉ giải quyết tại phiên họp; 01 việc Sửa quyết định và 02 việc Hủy quyết định. VKS huyện Diên Khánh kháng nghị 01 việc (dân sự). Tòa án không chấp nhận 01 kháng nghị nhưng VKSND tỉnh Khánh Hòa đã báo cáo đề nghị VKSCC xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

+ Tạm đình chỉ: 01 vụ (dân sự).

+ Đình chỉ: 06 vụ (dân sự: 05; hôn nhân: 01).

+ Xét xử: 72 vụ (dân sự: 57; hôn nhân: 15).

\* Kết quả:

+ Y án sơ thẩm: 38 vụ (dân sự: 29; hôn nhân: 09).

+ Sửa án sơ thẩm: 24 vụ (dân sự: 19; hôn nhân: 05).Trong đó:VKS tỉnh kháng nghị 02 vụ (dân sự ),VKS Khánh Vĩnh kháng nghị 01 vụ (dân sự ).Tòa án đã chấp nhận 03 kháng nghị.

+ Hủy án sơ thẩm: 09 vụ (dân sự: 08; hôn nhân: 01). Trong đó: VKS tỉnh kháng nghị 03 vụ (dân sự 02 vụ ; hôn nhân 01 vụ). Tòa án đã chấp nhận 03 kháng nghị.

+ Đình chỉ tại phiên tòa: 01 vụ (dân sự). (Do đương sự tự thỏa thuận được nên rút kháng cáo, Viện kiểm sát tỉnh Khánh Hòa rút kháng nghị của Viện kiểm sát TP.Nha Trang).

- Hiện còn: 00.

**II/ Đánh giá công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự- hôn nhân gia đình từ ngày 01/12/2016 đến ngày 30/9/2017:**

***1/ So sánh với cùng kỳ năm 2016:***

Trong 10 tháng đầu năm 2017, Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Khánh Hòa đã thụ lý kiểm sát 5.773 vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, trong đó: sơ thẩm 5.504 vụ, 182 việc; phúc thẩm 79 vụ, 08 việc tăng 412 vụ việc so với cùng kỳ năm 2016. Ở cấp sơ thẩm án kiện chủ yếu tập trung vào các tranh chấp như tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đòi lại tài sản. Theo đó, án phúc thẩm cũng chủ yếu là loại án kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp hợp đồng vay tài sản ... Về án hôn nhân và gia đình tập trung chủ yếu là án kiện về ly hôn. Nguyên nhân chính của việc xin ly hôn là do tính tình hai bên không hợp không tìm được điểm chung, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát từ lý do kinh tế, dẫn đến hôn nhân tan vỡ ... Đối với án kiện hôn nhân có yếu tố nước ngoài, việc ly hôn là do trước khi kết hôn không tìm hiểu nhau kỹ, chỉ qua mai mối, sau khi kết hôn, phía bên nước ngoài không có điều kiện làm thủ tục bảo lãnh để đoàn tụ gia đình.

Số án dân sự, hôn nhân gia đình đã giải quyết của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Khánh Hòa trong 10 tháng đầu năm 2017 là 5.301 vụ, 179 việc (sơ thẩm: 5.222 vụ, 171 việc; phúc thẩm: 79 vụ, 08 việc), tăng 228 vụ, 65 việc so với cùng kỳ năm 2016.

**2/*Nhận xét chung về công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự- hôn nhân gia đình từ ngày 01/12/2016 đến ngày 30/9/2017:***

**a/Ưu điểm:**

- Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều cố gắng trong công tác thụ lý, lập hồ sơ kiểm sát theo quy định; hai cấp đã thực hiện kiểm sát 100 % bản án, quyết định của Tòa án. Qua kiểm sát, hai cấp đã phát hiện nhiều bản án, quyết định có vi phạm về hình thức, một số bản án có vi phạm về nội dung đã được Viện kiểm sát kịp thời kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, trong đó đã kháng nghị **08** bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Đối với công tác kiểm sát xét xử: 2 cấp đã có nhiều cố gắng, kịp thời nghiên cứu và tham gia kiểm sát xét xử hầu hết các vụ, việc dân sự do Tòa án hai cấp đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 21-BLTTDS thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia, đã kiểm sát xét xử **1.029 vụ/1.031** vụ tham gia xét xử đối với các vụ, việc, nhìn chung các quan điểm giải quyết đều đảm bảo quy định của pháp luật.

- Nhìn chung, cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình chịu khó, tích cực nghiên cứu, luôn nỗ lực trong công việc. Lãnh đạo các đơn vị cấp huyện chủ động bám sát các chỉ tiêu công tác chỉ đạo bộ phận kiểm sát giải quyết án dân sự thực hiện nhiệm vụ.

**b/Tồn tại:**

- Hiện nay, số lượng Kiểm sát viên làm công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình còn quá ít (hai cấp có 24 đ/c làm công tác kiểm sát án dân sự, trực tiếp kiểm sát **5.504 vụ, 182 việc** thụ lý trong 10 tháng năm 2017, trung bình mỗi đồng chí Kiểm sát viên thực hiện kiểm sát 237 vụ, việc sơ thẩm do Tòa án cùng cấp giải quyết) điều này làm ảnh hưởng đến chất lượng của công tác kiểm sát đối với từng vụ, việc; một số Kiểm sát viên mới được bổ nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ kiểm sát giải quyết đối với các vụ, việc cụ thể; năng lực của các Kiểm sát viên không đồng đều, việc rèn luyện các kỹ năng tham gia phiên tòa của một số Kiểm sát viên chưa được thường xuyên, dẫn đến có những hạn chế nhất định trong kiểm sát xét xử.

- Một số Kiểm sát viên còn coi nhẹ việc lập hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ chưa sâu, còn hời hợt, còn lạm dụng việc phô tô các tài liệu dẫn đến việc báo cáo án chưa chính xác; dẫn đến khi tham gia phiên tòa gặp lúng túng trong việc dẫn chiếu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ. Khi phát biểu quan điểm, có trường hợp Kiểm sát viên đã không kịp thời bổ sung kết quả phần hỏi và phần tranh luận tại phiên tòa, dẫn tới quan điểm của Viện kiểm sát do Kiểm sát viên trình bày chưa phản ánh quá trình diễn biến tại phiên tòa và chưa  có tính thuyết phục... Một số Kiểm sát viên khi kiểm sát lập hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát xét xử các vụ án dân sự chưa kịp thời phát hiện các vi phạm của Tòa án để thực hiện các quyền yêu cầu, báo cáo, đề xuất kiến nghị hoặc kháng nghị theo quy định nên dẫn đến trường hợp vụ án bị cấp trên hủy án hoặc sửa án.

- Một số đơn vị cấp huyện chưa chú trọng và thực hiện có hiệu quả văn bản chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa về tăng cường kháng nghị phúc thẩm các vụ,việc dân sự mặc dù việc giải quyết vụ, việc dân sự của Tòa án cùng cấp có sai sót, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

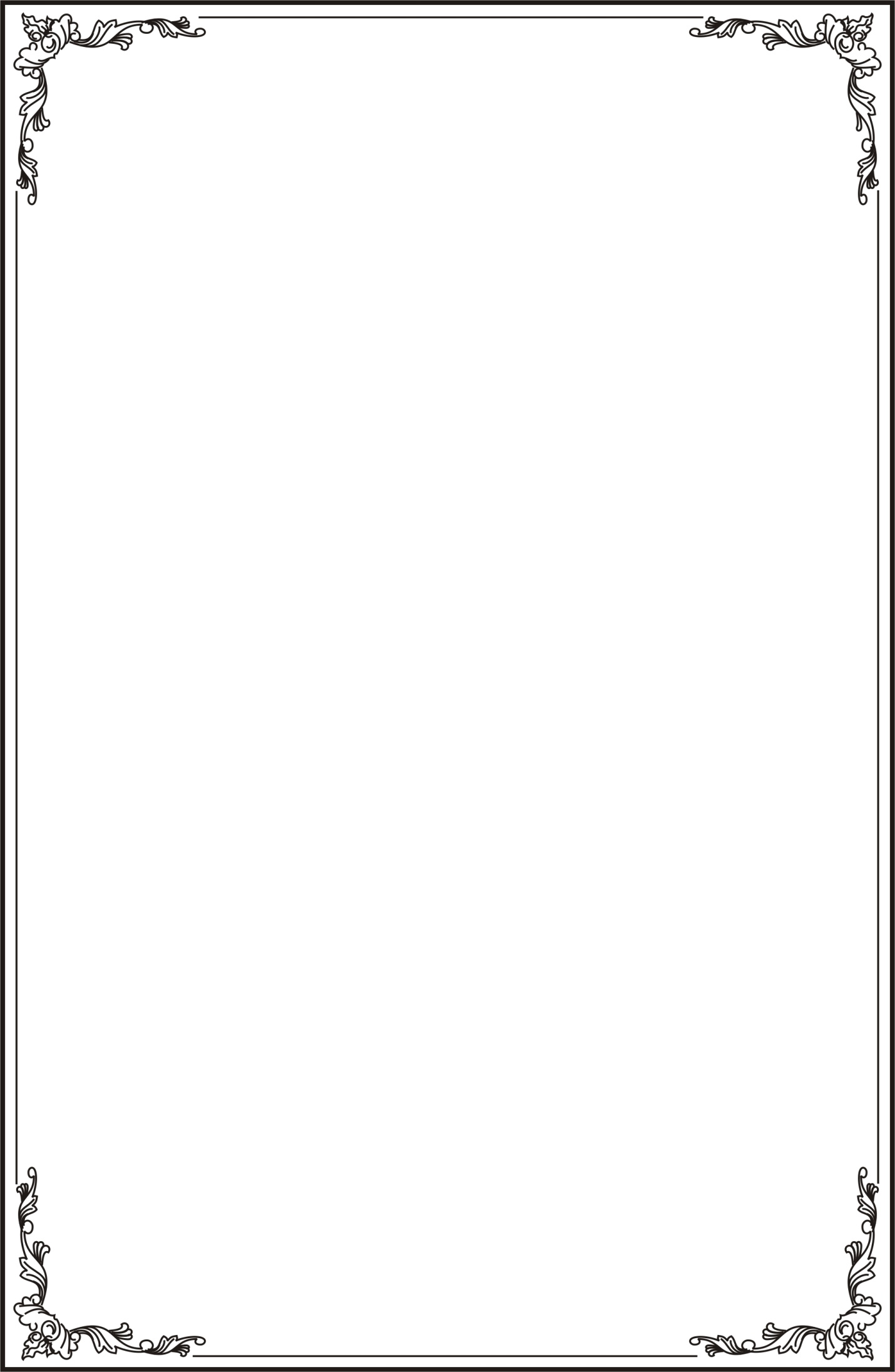
**3/Những khó khăn, vướng mắc:**

- Do lượng án dân sự, hôn nhân và gia đình trong thời gian qua tăng đáng kể nên số lượng các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa tăng theo quy định của BLTTDS, trong khi số lượng cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện nghiệp vụ kiểm sát giải quyết án dân sự, hôn nhân gia đình quá ít, chất lượng không cao làm ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Các quan hệ dân sự có diện rộng và vô cùng phức tạp nên khi phát sinh tranh chấp, các vụ việc buộc Tòa án phải giải quyết cũng hết sức phức tạp, đa dạng, song hệ thống pháp luật liên quan vẫn còn nhiều quy định chưa rõ ràng, mâu thuẫn trong thực tiễn áp dụng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn kịp thời hoặc tuy được hướng dẫn nhưng chưa đầy đủ dẫn đến quan điểm nhận thức và áp dụng pháp luật có lúc vẫn chưa được thống nhất.

- Ý thức, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của một số Kiểm sát viên chưa cao, chưa chịu khó, tích cực nghiên cứu.

- Việc chấp hành một số quy định của pháp luật tố tụng của Tòa án, nhất là về thời hạn gửi bản án, quyết định, hồ sơ vụ án để tham gia xét xử, đề kháng nghị phúc thẩm chưa được đảm bảo làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng kiểm sát của Viện kiểm sát.

****

# PHẦN II

**PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN**

**MỘT SỐ VỤ ÁN CỦA CẤP SƠ THẨM BỊ HỦY**

**TRONG THỜI GIAN TỪ 01/12/2016 – 30/9/2017**

**Vụ 1: Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 232/2013/TLST-DS ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân TP. Nha Trang về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế”* giữa:**

**Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tường**

Trú: Thôn Phú Bình, Vĩnh Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa.

**Bị đơn: Bà Hồ Thị Chẹt**

Trú: Tổ 10, Phú Nông, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/1016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang tuyên xử:**

*1. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Tường về phân chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Nghiệp đối với diện tích 535,5m2 quyền sử dụng đất thổ cư và đất quả (tức ½ trong khối tài sản chung với ông Đặng Quang Hà) tại thửa 188 tờ bản đồ số 37 [359 599-7-c] (trước đây là thửa số 894 tờ bản đồ số 7) thuộc bộ bản đồ địa chính xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang đang do bà Hồ Thị Chẹt quản lý, sử dụng vì không có căn cứ.*

*2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Tường về phân chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Nghiệp.*

*Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Nghiệp được xác định là 535,5m2 quyền sử dụng đất thổ cư và đất quả (tức ½ trong khối tài sản chung với ông Đặng Quang Hà) tại thửa 188 tờ bản đồ số 37 [359 599-7-c] (trước đây là thửa số 894 tờ bản đồ số 7) thuộc bộ bản đồ địa chính xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang đang do bà Hồ Thị Chẹt quản lý, sử dụng.*

*Buộc bà Hồ Thị Chẹt và những người đang quản lý, sử dụng phải giao lại cho ông Nguyễn Văn Tường phần di sản theo di chúc của bà Nguyễn Thị Nghiệp là 535,5m2  quyền sử dụng đất thổ cư và đất quả tại thửa 188 tờ bản đồ số 37 [359 599-7-c] (trước đây là thửa số 894 tờ bản đồ số 7) thuộc bộ bản đồ địa chính xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang (Phần A trong sơ đồ kèm theo)*

*Ông Nguyễn Văn Tường liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xác lập quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật về đất đai.*

*Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí định giá, thẩm định tại chỗ,qui định liên quan đến việc thi hành án, quyền kháng cáo.*

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy:

Tại các Đơn yêu cầu ngày 02/8/2013 của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Đặng Quang Khoa; không đề ngày của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đô, Đặng Hoài Châu, Đặng Thị Xuân Mai, Đặng Quang Khải, Đặng Thị Xuân Trinh, Đặng Thị Bích Trâm; ngày 19/5/2016 của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đặng Quang Khải xác định: Năm 1963, ông Thủ kết hôn với bà Chẹt, sống và quản lý nhà, đất của ông Yên, bà Lan để lại cùng với bà Nghiệp. Đến năm 1987, ông Thủ chết, bà Chẹt cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất trên đến nay. Năm 1981, bà Nghiệp xây căn nhà trên thửa đất số 19 và ở đó cũng như tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Bi (người làm chứng của phía nguyên đơn) do Tòa án nhân dân TP. Nha Trang lập ngày 05/5/2014, bà Bi khai vào năm 1984 sau khi ông Thủ và bà Chẹt kết hôn, bà Nghiệp đã giao lại nhà đất này cho ông Thủ, bà Chẹt quản lý và bà Nghiệp ra phần đất phía trước xây dựng quán để ở. Đồng thời, tại văn bản số 379/UBND ngày 31/7/2008, Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Ngọc xác định năm 1984 bà Nghiệp ở luôn ngoài quán, cho thấy từ khoảng sau năm 1981 hoặc 1984 đến nay bà Chẹt cùng các con là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất, trong đó có diện tích đất hiện nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế nhưng Tòa án nhân dân TP.Nha Trang không thu thập chứng cứ để làm rõ thời điểm bà Chẹt trực tiếp quản lý, sử dụng đất trên từ năm 1981 hay năm 1984 để xem xét công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo đất cho bà Chẹt nên Bản án sơ thẩm số 64/1016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Chẹt cùng *“những người đang quản lý, sử dụng đất phải giao lại cho ông Tường 535,5m2 quyền sử dụng đất thổ cư và đất quả…”* mà không xem xét công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo đất cho bà Chẹt là không thỏa đáng, gây thiệt thòi quyền lợi cho bị đơn.

Việc Bản án sơ thẩm buộc *“bà Chẹt cùng những người đang quản lý, sử dụng đất phải giao lại cho ông Tường 535,5m2 quyền sử dụng đất thổ cư và đất quả…”* mà không xác định cụ thể những người đang quản lý, sử dụng đất là ai và cụ thể bao nhiêu đất quả, bao nhiêu đất thổ cư là gây khó khăn cho việc thi hành án.

Đồng thời, tại công văn số 2545/TNMT ngày 09/9/2011 của Phòng tài nguyên và môi trường TP.Nha Trang xác định thửa đất số 188 tờ bản đồ số 37 [359 599-7-c] thuộc tờ bản đồ địa chính xã Vĩnh Ngọc (trước đây là thửa đất đất số 894, tờ bản đồ số 7) có diện tích 2.180m2 (trong đó đất thổ cư: 200m2, đất quả: 1.980m2). Qua thẩm định tại chỗ, thực tế tổng diện tích đất hiện tại là 2.529,3m2 nhưng ông Tường chỉ tranh chấp 1.090m2 trong diện tích 2.180m2 nên phần diện tích đất chênh lệch 349,3m2. Tại phiên tòa, người có quyền nghĩa vụ liên quan Đặng Quang Khoa khai quá trình sử dụng đất ông có mua đất ruộng đổ nền nhưng Tòa án nhân dân TP. Nha Trang không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để xác định nguồn gốc, người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất chênh lệch này để tạm giao cho họ tiếp tục quản lý, sử dụng.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ, gồm: bản “*Chứng chỉ hành chánh”* ngày 08/10/1969 và “*Chứng thư hành chánh”* ngày 21/12/1971 do Ủy ban Hành chánh xã Vĩnh Ngọc lập ngày 08/10/1969 (chế độ cũ) chứng nhận ông Đặng Quang Hà và bà Nguyễn Thị Nghiệp chỉ có 01 người con duy nhất là ông Đặng Văn Thủ nhưng Bản án sơ thẩm tại trang 05 xác định *“Ông Đặng Quang Hà và bà Nguyễn Thị Nghiệp sinh hạ được 02 người con là ông Đặng Văn Thủ và bà Đặng Thị Sum”* là không chính xác, không đánh giá đúng sự thật khách quan của vụ án.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 08/8/2016 thể hiện trên thửa đất số 188 tờ bản đồ số 37 [359 599-7-c] thuộc tờ bản đồ địa chính xã Vĩnh Ngọc (trước đây là thửa đất đất số 894, tờ bản đồ số 7) có một số loại cây ăn quả nhưng Tòa án nhân dân TP. Nha Trang không làm rõ số cây ăn quả này do ai trồng, hiện thuộc quyền sở hữu của ai, trong khi tại Đơn đề nghị ngày 19/10/2016, bà Hồ Thị Chẹt xác định trên diện tích đất 535,5 m2 mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà phải trả cho nguyên đơn thực tế có rất nhiều cây ăn quả của bà, gồm: xoài, cau, dừa, bưởi, mận,…. cho thấy việc Tòa án nhân dân TP. Nha Trang không xác định số cây ăn quả hiện có tồn tại trên diện tích đất 535,5m2 mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn hay không để làm cơ sở buộc nguyên đơn thanh toán lại giá trị cây trồng cho bị đơn là chưa đảm bảo.

Về án phí: Bản án sơ thẩm (tại trang 09) tính án phí cho đương sự không đúng theo qui định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 12 Nghị quyết 01 /2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số qui định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể:

+Xác định ông Tường - nguyên đơn phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng lại không tính án phí đối với phần ông Tường được hưởng thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất 535,5m2 (Phần A trong sơ đồ kèm theo bản án);

+ Buộc bà Chẹt - bị đơn phải chịu án phí đối với phần nguyên đơn được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định kháng nghị số 1454/QĐKN/VKS-DS ngày 24/10/2016 kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dânTP.Nha Trang theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm vụ án trên theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đồng thời, ở giai đoạn phúc thẩm phía bị đơn cung cấp một số tài liệu, gồm: Văn bản của Chi nhánh Vật tư Thái Nguyên ngày 02/7/2007 có nội dung: Ông Đặng Quang Hà, mất năm 1972 có vợ là Phan Thị Xuyên, mất năm 1996, có con là Đặng Thị Kim Yến- sinh 1967 và Đặng Thế Hùng- sinh 1970; 01 Giấy khai sinh của Đặng Thị Kim Yến có cha là Đặng Quang Hà và 01 Sơ yếu lý lịch của Đặng Thị Kim Yến có cha là Đặng Quang Hà, mẹ là Phan Thị Xuyên, chị là Lê Thị Thanh Bình, Lê Phương Bắc và em là Đặng Thế Hùng. Đây là các tài liệu mới được bổ sung, chưa được xác minh, làm rõ.

Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2017 Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 64/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dânTP.Nha Trang.

**Nguyên nhân vụ án bị hủy: *Đây là vụ án dân sự thuộc trường hợp Tòa án nhân dân cấp huyện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do thu thập chứng cứ không đầy đủ nhưng đã giải quyết vụ án và áp dụng pháp luật không đúng (không xem xét công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo đất cho người quản lý đất trong vụ án chia di sản thừa kế) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và tính án phí không đúng quy định.***

**Vụ 2: Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 232/2013/TLST-DS ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân TP.Cam Ranh về việc “*Đòi lại quyền sử dụng đất*”** giữa:

\* **Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương – Sinh năm 1970**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh Trang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2014).

**\* Bị đơn: Ông Tô Thành Hóa – Sinh năm 1991**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Nguyễn Văn Phúc** – Sinh năm 1961

**2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên**- Sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**3. Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích** – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**4. Anh Nguyễn Mạnh Thiên** – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**\* Người làm chứng:**

**1. Bà Nguyễn Thị Huyền (Hà)** – Sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**2. Chị Nguyễn Thị Hồng Bang** – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**3. Anh Nguyễn Tấn Vương**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh.

**\* Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 12/5/2017của Tòa án nhân dân TP. Cam Ranh tuyên xử:**

*Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc Hương. Buộc anh Tô Thành Hóa phải hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc Hương 160.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất và 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí định giá tài sản.*

*Anh Tô Thành Hóa được quyền sử dụng lô đất thuộc thửa đất số 60; tờ bản đồ 31, diện tích 637,5m2 tọa lạc tại Tổ dân phố Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, được UBND TP. Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số BG030436, vào sổ cấp Giấy số CH 00983 ngày 18/01/2012 cho anh Tô Thành Hóa.*

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, về qui định liên quan đến việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy:

***1/ Việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án không toàn diện:***

Tại phiên tòa ngày 11/5/2017, bà Huỳnh Thị Ngọc Bích khai “*tôi mua giùm anh Hai ở bên Mỹ. Anh trai tôi gọi điện nói tôi không có chồng, lo mua đất để mai mốt Hóa có gia đình còn có chỗ mà ở*” và “*bà Huyền nợ anh Hai tôi ở bên Mỹ, anh điện thoại về bảo Huyền trả nên Huyền đưa cho tôi 200 triệu đồng*”. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải ngày 18/9/2013 tại Ủy ban nhân dân P. Cam Phúc Bắc, ông Hóa khai *“lô đất mà tôi đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HG 030436 được UBND TP. Cam Ranh cấp giấy chứng nhận là do ông cậu của tôi Huỳnh Trung Triều ở Hoa Kỳ gửi tiền về cho mẹ tôi mua. Cho nên, để cho tôi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với ý là sau này bản thân tôi có gia đình, cậu tôi cho tôi để sử dụng. Lô đất này mẹ tôi và bà dì tên Huỳnh Thị Ngọc Hương đi mua khoảng 360 triệu đồng của ông Phú ở Tổ dân phố Hòa Do 6A. Khi giao tiền mẹ tôi và bà Hương đi giao tiền tại nhà ông Phú. .. tôi lấy sổ ra bà Hương lấy sổ giữ luôn vì tôi đang đi học tại Nha Trang cho nên không thể giữ sổ được và cũng thực hiện theo ý của ông cậu Triệu là giao sổ cho bà Hương giữ…”* nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này để xác định chính xác bản chất của vụ án.

Đồng thời, tại Biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2016, thể hiện: Trên diện tích đất các bên có tranh chấp về quyền sử dụng đất có 01 móng đá chẻ 03 lớp, có chiều dài 104,3m và 23 trụ bê-tông có kích thước (10cm x 2m) nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định các tài sản gắn liền trên đất này thuộc quyền sở hữu của ai cũng như ý kiến của các bên đối với tài sản này như thế nào khi giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên là không toàn diện.

***2/ Lời khai của các đương sự có mâu thuẩn nhau về việc xác định ai là người nhận chuyển nhượng lô đất diện tích 637,5m2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh và số tiền các lần giao nhận giữa các bên chuyển nhượng đất nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện đối chất để làm rõ các nội dung mâu thuẩn là vi phạm Khoản 1 - Điều 100 - BLTTDS:***

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/12/2013 nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Ngọc Hương trình bày bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Phúc, bà Nguyễn Thị Kim Liên lô đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, diện tích 20m x 33m = 660m2. Giá chuyển nhượng là 360.000.000 đồng. Bà đã đưa trước cho ông Phúc, bà Liên 200.000.000 đồng. Đến ngày 14/11/2011, ông Phúc, bà Liên gặp bà yêu cầu đưa tiếp số tiền còn lại cho con trai ông bà là Nguyễn Mạnh Thiên để làm thủ tục tách thửa và sang tên. Ngày 15/11/2011, bà đưa tiếp cho anh Thiên 110.000.000 đồng, ngày 12/01/2011 bà đưa cho anh Thiên 50.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2014, bị đơn ông Tô Thành Hóa cho rằng cậu của ông ở Mỹ muốn mua cho ông lô đất để khi có gia đình thì xây nhà ở. Mẹ ông là Huỳnh Thị Ngọc Bích cũng cô Nguyễn Thị Huyền (Hà) tìm được lô đất của ông Phúc, bà Liên có diện tích 20m x 33 = 660m2, giá 360.000.000 đồng. Mẹ ông đặt cọc cho ông Phúc, bà Liên 200.000.000 đồng. Sau đó, mẹ ông có nhờ cô Huyền (Hà) dẫn ông ký giấy tờ nhưng cô Huyền bận không đi được nên đưa cho ông bị tiền có 100.000.000 đồng cùng Hợp đồng mua bán đất và nhờ lại dì Hương dẫn ông đi. Đồng thời, tại Bản tự khai ngày 25/02/2014, bà Bích khai bà đích thân mua lô đất trên. Bà đã chồng tiền cho ông Phúc, bà Liên lần đầu là 200.000.000 đồng, ông Phúc, bà Liên viết giấy tay bán đất để nhận tiền của bà. Bà có mượn Huyền 100.000.000 đồng và nhờ Huyền dẫn Hóa đi làm giấy tờ. Huyền bận việc nên nhờ bà Hương đi nên bà có điện thoại cho bà Hương thống nhất bà Hương trả cho bà 60.000.000 đồng tiền của anh Hai bên Mỹ để trả tiền đất. Giấy sang nhượng viết tay giữa bà Hương và vợ chồng ông Phúc là không đúng.

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2014 ông Nguyễn Mạnh Thiên khai bà Bích đưa tiền cọc cho cha mẹ ông nhận và viết giấy nhận cọc số tiền 200.000.000 đồng. Nửa tháng sau, bà Hương yêu cầu gia đình tôi viết giấy sang nhượng đất cho bà Hương. Khi làm thủ tục xong, ông yêu cầu bà Hương đưa thêm 110.000.000 đồng. Bà Hương đồng ý, ông đã nhận đủ 110.000.000 đồng tại nhà bà Bích. Sau khi làm xong thủ tục tách thửa thì ông giao giấy biên nhận cho bà Hương và nhận đủ số tiền còn lại là 50.000.000 đồng tại nhà bà Hương.

Như vậy, lời trình bày của bà Hương, ông Hóa, bà Bích và ông Thiên có mâu thuẫn nhau về nội dung thực chất ai là người nhận chuyển nhượng lô đất trên và số tiền các lần giao nhận giữa các bên chuyển nhượng đất nhưng cấp sơ thẩm đã không thực hiện đối chất giữa các đương sự để làm rõ những nội dung còn mâu thuẩn là vi phạm Khoản 1- Điều 100-BLTTDS “*… khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng, Thẩm phán tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng…*”

***3/ Việc định giá tài sản tranh chấp không đúng quy định tại Điều 2-Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ tài chính về hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản.***

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2016, Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá diện tích đất các bên tranh chấp có giá trị 21.675.000 đồng căn cứ vào lô đất trên có vị trí 1; hệ số 1.7, với đơn giá: 20.000 đồng nên giá được áp dụng là: 20.000 đồng x 1,7 = 34.000 đồng/m2. Đây là đơn giá tính theo quy định của nhà nước, trong khi tại thời điểm các bên thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào tháng 9/2011, lô đất trên có giá trị chuyển nhượng là 360.000.000 đồng. Việc Hội đồng định giá tài sản đã không xác định giá trị lô đất theo giá trị thị trường nhằm đảm bảo quyền lợi của các đương sự cũng như làm căn cứ để xác định án phí khi giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên là vi phạm Khoản 2- Điều 2-Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ tài chính quy định về nguyên tắc định giá tài sản “*Việc định giá tài sản được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn kỹ thuật thực trạng của tài sản, phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tại thời điểm định giá*”.

***4/ Việc giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện, vi phạm Điều 5-BLTTDS:***

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/12/2013 nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc Hương yêu cầu Tòa án buộc ông Hóa phải thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh cho bà và giao lô đất này lại cho bà quản lý, sử dụng. Tòa án đã thụ lý vụ án “Đòi lại quyền sử dụng đất” theo Thông báo thụ lý vụ án số 06/TB-TLVA ngày 10/02/2014. Tại phiên tòa ngày 12/5/2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh Hóa phải trả lại quyền sử dụng lô đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại Tổ dân phố Hòa Do 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, diện tích 637,5m2 cho bà Hương. Tại phần “*nhận định*” bản án trên nêu “*không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc Hương là buộc anh Tô Thành Hóa phải trả lại cho bà quyền sử dụng lô đất này*” nhưng tại phần “*Quyết định*” đã tuyên “*chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Hóa phải hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng cho bà Hương*” là không thống nhất giữa nội dung nhận định và quyết định cũng như Bản án giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm Điều 5-BLTTDS “*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ, việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”.

Vì vậy, ngày 09/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 828/QĐKNPT-DS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nói trên theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số12/2017/DS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân TP. Cam Ranhvà chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân TP. Cam Ranhxét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 25/8/2017, Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử phúc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số12/2017/DS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân TP. Cam Ranh.

**Nguyên nhân vụ án bị hủy: *Đây là vụ án dân sự thuộc trường hợp Tòa án nhân dân cấp huyện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án không toàn diện; lời khai của các đương sự có mâu thuẫn nhau về việc xác định ai là người nhận chuyển nhượng lô đất và số tiền các lần giao nhận giữa các bên chuyển nhượng đất nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện đối chất để làm rõ các nội dung mâu thuẫn; việc định giá tài sản tranh chấp không đúng quy định tại Điều 2-Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ tài chính về hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; việc giải quyết của Tòa án không đúng yêu cầu khởi kiện.***

**Vụ 3: Vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1019/2016/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2016 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang về việc *“Ly hôn”*** giữa:

**Nguyên đơn: Ông Dương Xuân Thắng**

Địa chỉ: Trung đoàn 910, Trường Sĩ quan không quân, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**Bị đơn: Bà Võ Thị Kiều Ái**

Địa chỉ: 28 đường B3 khu dân cư Bắc Vĩnh Hải, phường Vĩnh Hòa, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Trần Văn Quân**

**2. Bà Nguyễn Thị Huế**

Địa chỉ: Cùng trú tại 22C, ngách 3/1, phố Cù Chính Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

\* **Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2017/HNGĐ-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Dương Xuân Thắng được ly hôn bà Võ Thị Kiều Ái.*

*2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:*

*Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Dương Xuân Thắng và bà Võ Thị Kiều Ái về việc giao 02 con chung là cháu Dương Thanh Hà, sinh năm 2000 và cháu Dương Đức Anh, sinh năm 2004 cho bà Ái trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi các cháu Dương Thanh Hà, Dương Đức Anh tròn 18 tuổi.*

*Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Thắng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Đức Anh mỗi tháng 5.000.000đ vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi.*

*3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Xuân Thắng và bà Võ Thị Kiều Ái đã tự thỏa thuận giải quyết bằng “Bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng” được Văn phòng công chứng Trung tâm chứng nhận ngày 09/11/2016 và không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản chung và nợ chung khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.*

*Tách yêu cầu đòi nợ đối với ông Trần Văn Quân, bà Nguyễn Thị Huế và chia tài sản chung là số tiền 850.000.000đ của bà Võ Thị Kiều Ái để giải quyết thành vụ án dân sự khác khi bà Ái có yêu cầu.*

Ngoài ra, Bản án còn quy định về quyền thay đổi nuôi con chung, kháng cáo của đương sự, quy định chung và án phí.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy:

**\* Theo đơn xin ly hôn ngày 13/9/2016, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn- ông Dương Xuân Thắng trình bày:** Ông Thắng và bà Võ Thị Kiều Ái kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông Thắng yêu cầu Tòa án nhân dân TP.Nha Trang giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ái.

Về con chung: ông Thắng và bà Ái có 02 con chung là cháu Dương Thanh Hà, sinh năm 2000 và cháu Dương Đức Anh, sinh năm 2004. Hai cháu đã lớn nên để hai cháu tự quyết định. Nếu cả hai cháu có nguyện vọng ở với bố hoặc với mẹ thì người nào không nuôi con thì chu cấp nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thắng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - bà Võ Thị Kiều Ái trình bày:** Về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và con chung đúng như ông Thắng trình bày. Theo bà Ái, thời gian vợ chồng bà chung sống với nhau có những lúc vui vẻ, hạnh phúc với nhau nhưng cũng có lúc cãi nhau, chuyện đó là bình thường, chưa đến mức phải ly hôn, bà không muốn gia đình tan vỡ, muốn con cái có đủ tình thương yêu, sự dạy dỗ của cả cha và mẹ nên bà không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 05/5/2017 bà Ái xác định hiện không còn tình cảm với ông Thắng nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: bà yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu ông Thắng cấp dưỡng nuôi cháu Dương Đức Anh 4.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, bà Ái lại yêu cầu ông Thắng cấp dưỡng nuôi cháu Anh 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ái có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với số tiền 850.000.000đ là số tiền vợ chồng bà cho vợ chồng ông Trần Văn Quân, bà Nguyễn Thị Huế vay.

Ông Thắng không đồng ý yêu cầu này của bà Ái. Ông cho rằng đây là số tiền ông và bà Ái vay của ông Quân, bà Huế (do ông đã trực tiếp viết giấy mượn tiền của vợ chồng ông Quân, bà Huế vào ngày 24/3/2012) nên bà Ái chuyển khoản trả lại cho ông Quân, bà Huế.

**\*Tại Bản trình bày được Công chứng viên Văn phòng công chứng Thái Hà, địa chỉ số 148 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội chứng thực ngày 05/4/2017, ông Trần Văn Quân, bà Nguyễn Thị Huế trình bày**: Ông Quân, bà Huế không vay nợ của bà Ái số tiền 850.000.000đ. Số tiền 850.000.000đ bà Ái chuyển cho vợ chồng ông, bà là để trả nợ vợ chồng ông Thắng vay của ông bà vào ngày 24/3/2012.

Ngày 30/11/2016 bà Ái có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là số tiền 850.000.000đ là khoản tiền của vợ chồng bà cho vợ chồng ông Quân, bà Huế vay. Bà Ái đã nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số tiền là 10.750.000đ cho Tòa án nhân dân TP.Nha Trang. Tòa án nhân dân TP.Nha Trang đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) số 1019A/2016/TB-TLVA ngày 09/12/2016 đối với yêu cầu trên của bị đơn và thông báo cho các đương sự biết.

Nhận thấy, việc Tòa án nhân dân TP.Nha Trang đã thụ lý bổ sung yêu cầu của bà Ái về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với số tiền 850.000.000đ là khoản tiền bà Ái cho rằng vợ chồng bà đã cho vợ chồng ông Quân, bà Huế vay trong vụ án ly hôn giữa vợ chồng bà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này của bà Ái mà lại tách thành vụ án dân sự khác là giải quyết vụ án không triệt để, không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, vi phạm Khoản 2-Điều 60- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về “*giải quyết quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn*” và Điều 5-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về “*quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự*”.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “*Tách yêu cầu đòi nợ đối với ông Trần Văn Quân, bà Nguyễn Thị Huế và chia tài sản chung là số tiền 850.000.000đ của bà Võ Thị Kiều Ái để giải quyết thành vụ án dân sự khác khi bà Ái* ***có yêu cầu*”** là hoàn toàn mâu thuẫn, không đúng với thực tế. Vì trong vụ án này, bà Ái đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn; bà Ái đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền nợ 850.000.000đ mà bà cho rằng vợ chồng bà đã cho ông Quân, bà Huế vay theo thông báo của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thụ lý bổ sung đối với yêu cầu này của bà Ái.

Mặt khác, trong phần “*Nhận định*”, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên xác định *“Vì chưa xác định 850.000.000đ mà bà Ái chuyển vào tài khoản của bà Huế có phải là tài sản chung của vợ chồng hay không nên Hội đồng xét xử chưa đủ căn cứ để chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của bà Ái đối với số tiền trên”* cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ để xem xét, giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 850.000.000đ của bà Ái là vi phạm khoản 3 Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 37/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2017/HNGĐ-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang về phần giải quyết tài sản chung và nợ chung là yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Kiều Ái đối với số tiền 850.000.000đ đã cho ông Trần Văn Quân, bà Nguyễn Thị Huế vay. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2017/HNGĐ-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang về phần giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Ngày 25/9/2017 Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hủy một phẩn Bản án hôn nhân gia đình số 105/2017/HNGĐ-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân TP.Nha Trang về phần tranh chấp đối với số tiền 850.000.000đ.

**Nguyên nhân vụ án bị hủy: *Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc trường hợp Tòa án nhân dân cấp huyện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của đương sự trong cùng vụ án, mà lại tách thành vụ án dân sự khác nên giải quyết vụ án không triệt để, không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, vi phạm Khoản 2-Điều 60- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về “giải quyết quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn” và Điều 5 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về “quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự”.***

**Vụ 4: Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2015/TLST-KDTM ngày 10/3/2015của Tòa án nhân dân Huyện Khánh Sơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán dược phẩm*”** giữa:

**\* Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (C.ty Domesco)**

Địa chỉ: Số 66 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú , TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Tố Quyên

**\* Bị đơn: Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn (Viết tắt là Y tế KS)**

Địa chỉ: Tà Nỉa, Sơn Trung, Khánh Sơn, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sĩ Hoàng Hải và Trần Văn Vũ.

**\* Nhân chứng:**

Bà Nguyễn Thị Thắm

Địa chỉ; TDP Hòa Do 6A, phường Cam Phúc Bắc, TP.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**\*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn tuyên xử:**

*Về trách nhiệm dân sự:*

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.*

*- Buộc Y tế KS phải thanh toán cho C.ty Domesco tiền mua thuốc còn nợ là 10.146.359đ và tiền lãi chậm thanh toán là 1.420.490đ. Tổng cộng là 11.566.849đ.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Y tế KS thanh toán số tiền nợ và tiền lãi phát sinh với số tiền tổng cộng là 592.158.331đ.*

Ngoài ra, Bản án còn qui định về án phí, chi phí giám định, về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngoài ra, tại phần “*Nhận định*” Bản án sơ thẩm có nêu: *“Trong vụ án này, xét thấy hành vi của chị Nguyễn Thị Thắm nguyên là nhân viên cung ứng kiêm kế toán dược của Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn, chị Thắm đã có hành vi lợi dụng danh nghĩa trung tâm y tế huyện Khánh Sơn yêu cầu Công ty Domesco cung cấp thuốc, sau khi nhận thuốc Thắm đã đem thuốc ra ngoài bán chiếm đoạt số tiền thuốc này. Mặt khác, để che đậy hành vi và mục đích chiếm đoạt của mình và tạo lòng tin đối với Công ty Domesco, chị Thắm đã giả mạo chữ ký của người đại diện hợp pháp của Trung tâm trong một số văn bản đối chiếu công nợ, sau đó đem đóng dấu của Trung tâm và gửi cho phía Công ty Domesco. Hành vi của Nguyễn Thị Thắm có dấu hiệu tội phạm, Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khánh Sơn khởi tố điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của Thắm nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra xác định hành vi không cấu thành tội phạm nên Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải kiến nghị đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa xem xét chỉ đạo khởi tố điều tra hành vi có dấu hiệu tội phạm của chị Nguyễn Thị Thắm, tránh bỏ lọt tội phạm”*.

Ngày 30/5/2017 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Kiến nghị số 07/2017/KN-TA với nội dung như trên.

Qua kiểm sát hồ sơ ở giai đoạn phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy:

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2015 của nguyên đơn, các lời khai của bà Huỳnh Thị Tố Quyên là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Từ năm 2009 đến năm 2013, Công ty Domesco với Y tế KS có giao dịch mua bán thuốc tân dược với nhau. Từ năm 2009 đến năm 2010 hai bên đã thực hiện đúng hợp đồng. Từ năm 2011 đến năm 2013 giữa C.ty Domesco và Y tế KS có ký 02 hợp đồng và 01 phụ lục hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 34/HĐ-2011 ngày 01/7/2011, giá trị hợp đông 22.148.400đ; phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2012 (đính kèm Hợp đồng số 34/HĐ-2011), giá trị phụ lục hợp đồng là 42.434.000đ và Hợp đồng số 17/HĐ-2012 ngày 01/7/2012, giá trị hợp đồng 4.550.000đ. Tuy Hợp đồng giá trị thấp nhưng hai bên có thỏa thuận *“giá trị hợp đồng có thể tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu sử dụng thuốc thực tế của bệnh viện”* nên từ năm 2011 đến năm 2013, C.ty Domesco đã bán thuốc cho Y tế KS số thuốc có giá trị rất lớn tổng cộng là 3.079.928.423đ, Y tế KS đã thanh toán 2.577.870.061đ, hiện nay còn nợ 502.058.362đ. Do đó, C.ty Domesco yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khánh sơn giải quyết buộc Y tế KS phải thanh toán cho C.ty Domesco số tiền 502.058.362đ và số tiền lãi chậm theo lãi suất nợ quá hạn (từ ngày 10/9/2012 đến 30/12/2014 là 27 tháng) là 502.058.362đ x (0.75% x 27 tháng) = 101.666.818đ. Tổng cộng là 603.725.180đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, C.ty Domesco yêu cầu Y tế KS và bà Thắm phải liên đới thanh toán toàn bộ số tiền 603.725.180đ trên.

**\*Ông Lê Sĩ Hoàng là người đại diện theo ủy quyền của Y tế KS trình bày:** Từ năm 2011 đến năm 2013 giữa C.ty Domesco và Y tế KS có ký 02 hợp đồng và 01 phụ lục hợp đồng đúng như đại diện C.ty Domesco trình bày. Mặc dù tổng giá trị thuốc theo hợp đồng có giá trị nhỏ nhưng số thuốc mà Y tế KS mua của C.ty Domesco có giá trị 211.860.400đ (trong đó tiền thuốc năm 2011 đến năm 2013 là 113.272.164đ). Y tế KS đã thanh toán cho C.ty Domesco 201.714.041đ (trong đó thanh toán tiền thuốc năm 2011 đến năm 2013 là 103.125.805đ), hiện nay còn nợ 10.146.359đ. Số nợ này Y tế KS có mời C.ty Domesco đến Y tế KS để nhận nhưng C.ty Domesco chưa đến nhận. Nay C.ty Domesco yêu cầu Y tế KS thanh toán số tiền thuốc 502.058.362đ và số tiền lãi 101.666.818đ Y tế KS không đồng ý. Đồng thời, Y tế KS đề nghị C.ty Domesco phải hoàn trả số tiền chi phí giám định là 10.775.000đ cho Y tế KS vì cung cấp chứng cứ đã được chứng minh là giả mạo.

- Ngày 12/6/2017, C.ty Domesco có đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án dân sự phúc thẩm số 25/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn: C.ty Domesco và bị đơn: Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐ-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định mở phiên tòa vào ngày 14/9/2017.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy: Lẽ ra Hội đồng xét xử sơ thẩm phải tạm đình chỉ vụ án dân sự này chờ kết quả giải quyết kiến nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc công an tỉnh Khánh Hòa mới có cơ sở để tiếp tục giải quyết vụ án. Song,Hội đồng xét xử sơ thẩm vừa kiến nghị khởi tố điều tra hành vi có dấu hiệu tội phạm hình sự, vừa giải quyết vụ án dân sự là xác định đó là vi phạm Điều 1, Điều 2 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, việc Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn xác định tư cách tham gia tố tụng đối với bà Nguyễn Thị Thắm là nhân chứng là không chính xác, vì bà Thắm không phải chỉ là người biết việc mà bà có quyền, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến vụ án nên cần xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Thắm là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 BLTTDS năm 2015 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

**Nguyên nhân vụ án bị hủy: *Đây là trường hợp vụ án dân sự sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vừa giải quyết tranh chấp dân sự, vừa kiến nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với cùng một hành vi vi phạm, vi phạm phạm Điều 1, Điều 2 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự.***

**Vụ 5: Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 232/2013/TLST-DS ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân Huyện Khánh Sơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”** giữa:

**\* Nguyên đơn: Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm (C.ty TV. Pharm)**

Địa chỉ: Số 27 Điện Biên Phủ, phường 9, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Thanh Bình.

**\* Bị đơn: Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn (Viết tắt là Y tế KS)**

Địa chỉ: Tà Nỉa, Sơn Trung, Khánh Sơn, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sĩ Hoàng Hải và Trần Văn Vũ.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Thắm

Địa chỉ; TDP Hòa Do 6A, phường Cam Phúc Bắc, TP.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn tuyên xử:**

*\* Trách nhiệm dân sự:*

*- Không chấp nhận yêu cầu của C.ty TV.Pharm về yêu cầu Y tế KS và bà Nguyễn Thị Thắm phải liên đới thanh toán cho C.ty TV.Pharm số tiền 2.111.828.455đ.*

*- Buộc bà Thắm phải thanh toán cho C.ty TV.Pharm 2.111.828.455đ.*

Bản án còn qui định về án phí, về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngoài ra, tại Bản án trên Hội đồng xét xử sơ thẩm còn nhận định: *“Trong vụ án này xét thấy hành vi của chị Nguyễn Thị Thắm nguyên là nhân viên cung ứng kiêm kế toán dược của Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn, chị Thắm đãlợi dụng nhiệm vụ được giao, đã có hành vi lợi dụng danh nghĩa trung tâm y tế huyện Khánh Sơn yêu cầu Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm cung cấp thuốc ngoài hợp đồng, sau khi nhận thuốc chị Thắm đã đem thuốc ra ngoài bán chiếm đoạt số tiền thuốc này. Mặt khác, để che đậy hành vi phạm tội, mục đích chiếm đoạt của mình và tạo lòng tin đối với Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm, chị Thắm đã giả mạo chữ ký của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn trong biên bản đối chiếu công nợ, sau đó đem đóng dấu của Trung tâm và gửi cho phía Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm. Hành vi của Nguyễn Thị Thắm có dấu hiệu tội phạm, Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Khánh Sơn khởi tố điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của Thắm nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra xác định hành vi không cấu thành tội phạm nên Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải kiến nghị đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa xem xét chỉ đạo khởi tố điều tra hành vi có dấu hiệu tội phạm của chị Nguyễn Thị Thắm, tránh bỏ lọt tội phạm”* nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Kiến nghị số 01/2017/KN-TA ngày 28/4/2017 đối với nội dung trên.

Qua kiểm sát hồ sơ ở giai đoạn phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy:

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2015 của nguyên đơn, các lời khai của ông Thạch Thanh Bình là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Căn cứ vào kết quả trúng thầu cung cấp thuốc với Sở y tế Khánh Hòa, từ năm 2011 giữa C.ty TV.Pharm với Y tế KS bắt đầu mua bán dược phẩm theo cách thức như sau: Trên cơ sở yêu cầu cung cấp dược phẩm của phía Y tế KS, C.ty TV.Pharm soạn sẵn hợp đồng và ký vào đại diện bên bán sau đó chuyển cho phía Y tế KS để Y tế KS ký vào bên mua và chuyển trả lại cho C.ty TV.Pharm. Việc C.ty TV.Pharm cung cấp dược phẩm cho Y tế KS chỉ thông qua bà Thắm là cán bộ cung ứng kiêm kế toán dược của Y tế KS. Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2013 hai bên đã ký kết các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 293/11/TVP-TTYTKS ngày 25/7/2011 với giá trị hợp đồng là 7.700.000đ; (Hợp đồng này Y tế KS đã ký và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Hợp đồng số 109/12/TVP-TTYTKS ngày 01/7/2012 với giá trị hợp đồng là 78.473.400đ; (Hợp đồng này Y tế KS chưa ký và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Hợp đồng số 53/13/TVP-TTYTKS ngày 08/7/2013 với giá trị hợp đồng là 316.750.000đ; (Hợp đồng này Y tế KS chưa ký và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Hợp đồng số 76/13/TVP-TTYTKS ngày 16/9/2013 với giá trị hợp đồng là 23.386.000đ. (Hợp đồng này Y tế KS đã ký và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

Ngoài ra, các bên còn làm thêm phụ lục hợp đồng bổ sung như sau:

+ Phụ lục hợp đồng ngày 10/7/2012 bổ sung Hợp đồng số 109/12/TVP-TTYTKS ngày 01/7/2012 với giá trị Phụ lục hợp đồng là 440.000.000đ; (Phụ lục hợp đồng này y tế KS chưa ký và và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2012 bổ sung Hợp đồng số 109/12/TVP-TTYTKS ngày 01/7/2012 với giá trị Phụ lục hợp đồng là 922.650.000đ; (Phụ lục hợp đồng này y tế KS chưa ký và và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2013 bổ sung Hợp đồng số 109/12/TVP-TTYTKS ngày 01/7/2012 với giá trị Phụ lục hợp đồng là 280.000.000đ; (Phụ lục hợp đồng này y tế KS chưa ký và và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Phụ lục hợp đồng ngày 03/4/2013 bổ sung Hợp đồng số 109/12/TVP-TTYTKS ngày 01/7/2012 với giá trị Phụ lục hợp đồng là 838.450.000đ; (Phụ lục hợp đồng này y tế KS chưa ký và và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

+ Phụ lục hợp đồng ngày 08/11/2013 bổ sung Hợp đồng số 76/13/TVP-TTYTKS ngày 16/9/2013 với giá trị Phụ lục hợp đồng là 214.680.000đ; (Phụ lục hợp đồng này y tế KS chưa ký và và hoàn trả lại cho C.ty TV.Pharm).

Tổng giá trị Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 3.121.889.400đ.Tuy nhiên C.ty TV.Pharm mới chỉ chuyển số thuốc có tổng giá trị 2.943.967.836đ, Y tế KS đã thanh toán 758.039.808đ, còn nợ chưa thanh toán là 2.185.928.028đ. Sau khi khởi kiện Y tế KS còn nợ thêm một số, hiện nay còn nợ 2.111.828.455đ. Nay C.ty TV.Pharm yêu cầu Y tế KS và bà Nguyễn Thị Thắm liên đơi thanh toán cho C.ty TV.Pharm toàn bộ tiền nợ trên, không yêu cầu tính lãi.

**\* Ông Lê Sĩ Hoàng là người đại diện theo ủy quyền của Y tế KS trình bày:** Từ năm 2011 đến năm 2013 giữa C.ty TV.Pharm và Y tế KS có ký 02 Hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 293/11/TVP-TTYTKS ngày 25/7/2011 với giá trị hợp đồng là 7.700.000đ; Hợp đồng số 76/13/TVP-TTYTKS ngày 16/9/2013 với giá trị hợp đồng là 23.386.000đ. Tổng giá trị 02 hợp đồng là 30.886.000đ, cho đến nay hai bên không làm hợp đồng nào khác. Tuy nhiên, tính từ năm 2011 đến nay, Y tế KS đã mua thuốc C.ty TV.Pharm với tổng số tiền là 170.474.354đ. Y tế KS đã thanh toán đủ tiền thuốc cho C.ty TV.Pharm.

Đối với số tiền thuốc 2.111.828.455đ mà C.ty TV.Pharm yêu cầu là nợ riêng của bà Thắm. Tại Biên bản làm việc với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa đã xác định “Thắm có trách nhiệm trả các số tiền trên cho các công ty dược. Giữa Thắm và các công ty đã tính toán công nợ với nhau. Trung tâm không có trách nhiệm đối với số nợ do Thắm gây ra”.

Do đó, nay C.ty TV.Pharm yêu cầu Y tế KS và bà Thắm liên đới thanh toán số tiền 2.111.828.455đ, Y tế KS không đồng ý.

**\* Bà Nguyễn Thị Thắm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:** Từ năm 2011 đến năm 2014 bà Thắm được lãnh đạo Y tế KS phân công nhiệm vụ cung ứng kiêm kế toán dược, đã nhiều lần bà Thắm yêu cầu C.ty TV.Pharm cung cấp dược phẩm cho Y tế KS với tổng trị giá 2.111.828.455đ. Trong số nợ này có một số thuốc sau khi nhập về đem ra ngoài bán, không đưa vào Y tế KS, việc này có sự chỉ đạo của Ban giám đốc Y tế KS. Vì vậy, C.ty TV.Pharm yêu cầu Y tế KS và bà Thắm phải liên đới thanh toán số tiền trên bà Thắm đồng ý.

- Ngày 30/5/2017, bà Nguyễn Thị Thắm có đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Ngày 17 tháng 7 năm 2017,Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án dân sự phúc thẩm số 24/2017/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn: C.ty TV.Pharm và bị đơn: Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn.

-Ngày 29/8/2017,Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐ-PT mở phiên tòa vào ngày 13/9/2017. Cùng ngày, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐ-PT do bà Thắm không đến tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 25/9/2017.

- Ngày 25/9/2017,Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa2015 ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 03/2017/QĐ-PT do người kháng cáo không đến Tòa, mặc dù đã được triệu tập 02 lần hợp lệ.

Nhận thấy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Nguyễn Thị Thắm để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Thắm là người kháng cáo đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 13/9/2017, phiên tòa mở lại vào ngày 25/9/2017 bà Thắm vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 312 BLTTDS năm 2015 ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 03/2017/QĐ-PT ngày 25/9/2017 là đúng pháp luật.

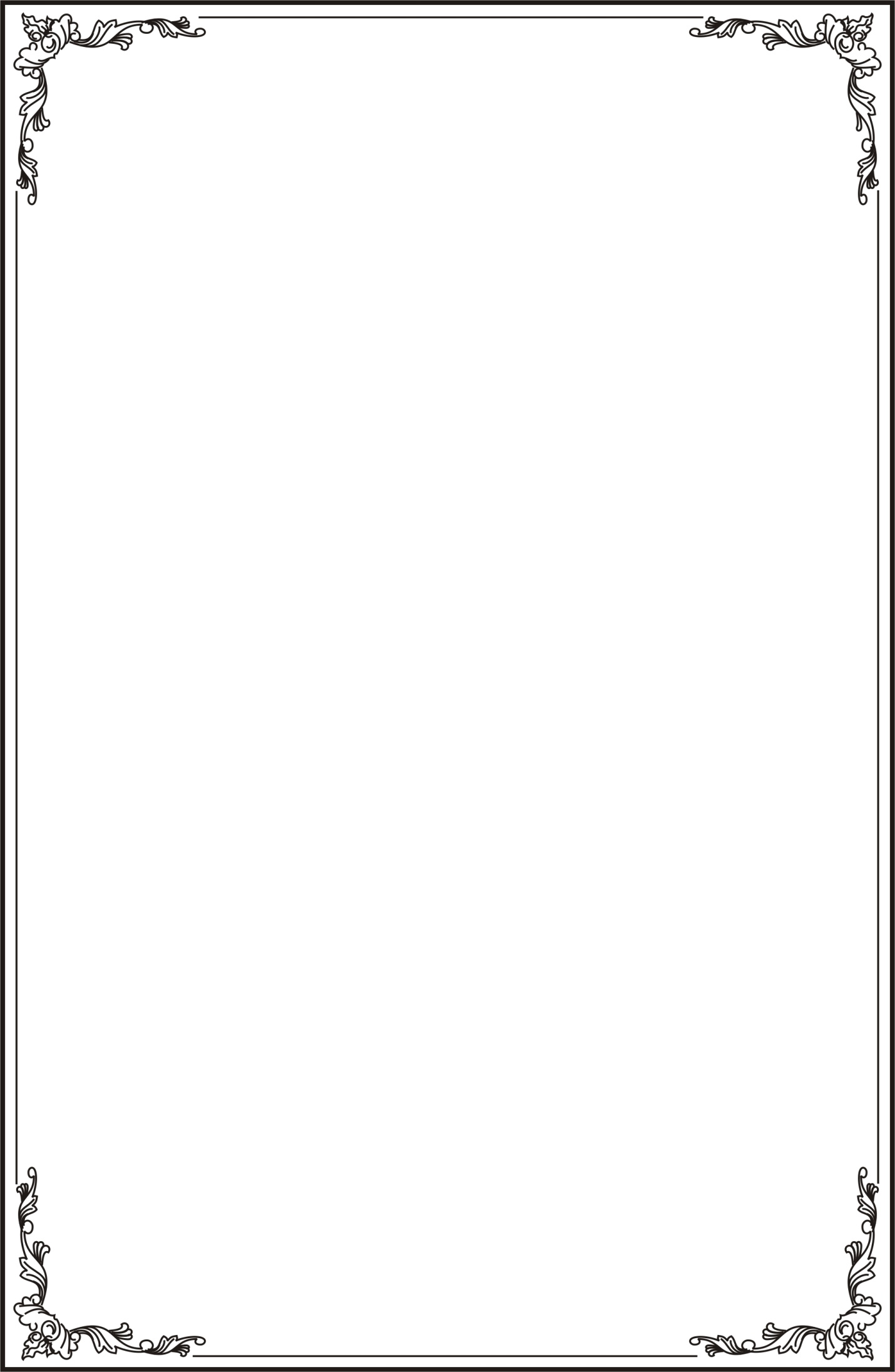
Tuy nhiên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn tại phần nhận định có nội dung: *“Trong vụ án này xét thấy hành vi của chị Nguyễn Thị Thắm nguyên là nhân viên cung ứng kiêm kế toán dược của Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn, chị Thắm đãlợi dụng nhiệm vụ được giao, đã có hành vi lợi dụng danh nghĩa trung tâm y tế huyện Khánh Sơn yêu cầu Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm cung cấp thuốc ngoài hợp đồng, sau khi nhận thuốc chị Thắm đã đem thuốc ra ngoài bán chiếm đoạt số tiền thuốc này. Mặt khác, để che đậy hành vi phạm tội, mục đích chiếm đoạt của mình và tạo lòng tin đối với Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm, chị Thắm đã giả mạo chữ ký của giám đốc Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn trong biên bản đối chiếu công nợ, sau đó đem đóng dấu của Trung tâm và gửi cho phía Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm. Hành vi của Nguyễn Thị Thắm có dấu hiệu tội phạm, Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khánh Sơn khởi tố điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của Thắm nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra xác định hành vi không cấu thành tội phạm nên Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải kiến nghị đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa xem xét chỉ đạo khởi tố điều tra hành vi có dấu hiệu tội phạm của chị Nguyễn Thị Thắm, tránh bỏ lọt tội phạm”*.

Ngày 28/4/2017 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Kiến nghị số 01/2017/KN-TA với nội dung như trên.

Nhận thấy, Hội đồng xét xử sơ thẩm lẽ ra phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và chờ kết quả xem xét kiến nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc công an tỉnh Khánh Hòa để làm cơ sở tiếp tục giải quyết vụ án. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm vừa giải quyết vụ án dân sự buộc bà Nguyễn Thị Thắm phải thanh toán cho C.ty TV.Pharm 2.111.828.455đ, vừa kiến nghị khởi tố điều tra hành vi của Nguyễn Thị Thắm có dấu hiệu tội phạm là vi phạm Điều 1, Điều 2 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, ngày 10/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đã có Báo cáo đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn theo hướng hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

**Nguyên nhân vụ án có vi phạm bị đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm: *Đây là trường hợp vụ án dân sự sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vừa giải quyết tranh chấp dân sự, vừa kiến nghị xem xét trách nhiệm hành sự đối với cùng một hành vi vi phạm, vi phạm phạm Điều 1, Điều 2 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự.***

****

# PHẦN III

**KỸ NĂNG KIỂM SÁT XÉT XỬ VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ- HNGĐ**

**TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM**

Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 qui định: *“ Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các việc dân sự; phiên tòa sơ thẩm đối với các vụ án tiến hành thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật này.”*

Như vậy, Viện KSND không tham gia tất cả các phiên tòa sơ thẩm giải quyết tranh chấp dân sự mà chỉ tham gia trong những trường hợp theo qui định tại Khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên cần chú ý kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, phiên tòa diễn ra có đúng trình tự thủ tục tố tụng được qui định trong BLTTDS năm 2015 đối với phiên tòa sơ thẩm hay không.

**\* Trình tự thủ tục diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại chương XIV BLTTDS**

1. Thủ tục bắt đầu phiên tòa (Quy định từ Điều 239 đến 246 BLTTDS năm 2015) diễn ra theo trình tự sau:

- Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa (đối với phiên tòa mở lần 2, lần 3,… nếu có);

- Thư ký phiên tòa báo cáo HĐXX về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt;

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác (nếu có).

- Chủ tọa phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự và của những người tham gia tố tụng khác (nếu có);

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên những người tiến hành tố tụng (thành phần HĐXX, thư ký, KSV), người giám định, người phiên dịch. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần HĐXX, thư ký, KSV so với Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Chủ tọa sẽ đọc Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng. Sau đó, Chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự có yêu cầu thay đổi ai trong số những người chủ tọa vừa giới thiệu hay không ? nếu không có đương sự nào yêu cầu thay đổi thì HĐXX tiếp tục làm việc, nếu có đương sự yêu cầu thay đổi một trong số những người chủ tọa vừa giới thiệu thì chủ tọa hỏi rõ lý do yêu cầu thay đổi và HĐXX phải vào phòng hội ý để xem xét, quyết định theo thủ tục do BLTTDS qui định và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận; trường hợp không chấp nhận phải nêu rõ lý do.

Sau đó, Chủ tọa phiên tòa sẽ hỏi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa “Đề nghị Viện kiểm sát có ý kiến gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa HĐXX vừa tiến hành không? KSV cần lưu ý:

+ Trường hợp KSV thấy trình tự thủ tục đảm bảo theo đúng qui định của BLTTDS, chẳng hạn như phiên tòa lần thứ nhất mà có đầy đủ các bên đương sự hoặc có đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; hoặc phiên tòa lần thứ nhất hoãn do vắng mặt đương sự và phiên tòa mở lại lần thứ hai, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần cho đương sự thì KSV có ý kiến đề nghị HĐXX tiếp tục phiên xét xử (nêu rõ điều luật áp dụng); còn nếu phiên tòa lần thứ nhất mà vắng mặt đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt thì HĐXX phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Trường hợp phiên tòa lần thứ hai trở lên nếu đã triệu tập hợp lệ mà có đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt theo qui định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS thì căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án. Tuy nhiên, tùy vào từng vụ án cụ thể mà KSV có ý kiến thích hợp, ví dụ như: Tại phiên tòa có người tham gia tố tụng vắng mặt mà không thuộc trường hợp Tòa án phải hoãn phiên tòa thì Chủ tọa phiên tòa phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị hoãn và KSV nhận thấy sự có mặt của người đó là cần thiết sẽ đảm bảo làm sáng tỏ vụ án, đảm bảo quyền lợi cho đương sự hoặc đảm bảo cho việc giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật thì KSV cũng có thể đề nghị HĐXX xem xét cho hoãn phiên tòa.

Trong trường hợp có người đề nghị hoãn phiên tòa thì HĐXX xem xét, quyết định theo thủ tục BLTTDS qui định và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận, trong trường hợp không chấp nhận thì phải nêu rõ lý do.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu (Điều 243BLTTDS).

+ Hỏi nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu hay không?

+ Hỏi bị đơn thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu phản tố (nếu có) hay không?

+ Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu độc lập (nếu có) hay không ?

\* KSV cần nắm vững qui định tại Điều 244, 245 BLTTDS:

Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự không được vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu; trường hợp đương sư tự nguyện rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình thì đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

Thay đổi địa vị tố tụng: Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố thì bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn; Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người bị khởi kiện theo yêu cầu độc lập trở thành bị đơn.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không? (Điều 246BLTTDS).

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì thì đề nghị HĐXX ra Quyết định công nhận sự thỏa của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

2. Tranh tụng tại phiên tòa: (Qui định từ Điều 247 đến Điều 263 BLTTDS)

Khi các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì Chủ tọa phiên tòa kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Trước khi vào phần xét hỏi, Chủ tọa sẽ để các bên đương sự trình bày về yêu cầu đề nghị của mình và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp.

\*Trình tự trình bày như sau: (Điều 248 BLTTDS)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (nếu có), nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (nếu có), bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến;

- Trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì họ tự trình bày.

Lưu ý: Tại phiên tòa, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ có quyền bổ sung chứng cứ trong thời hạn chuẩn bị xét xử (Qui định tại khoản 4 Điều 96 BLTTDS).

Sau khi nghe xong lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (nếu có) thì Chủ tọa phiên tòa sẽ điều hành phần hỏi (Điều 249 BLTTDS).

\* Trình tự hỏi:

- Theo qui định của Điều 249 BLTTDS năm 2015 thì các đương sự có quyền hỏi nhau, trình tự hỏi: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Những người tham gia tố tụng khác (nếu có);

- Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân;

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Lưu ý: Trường hợp có nhiều nguyên đơn thì phải hỏi riêng từng nguyên đơn; có nhiều bị đơn thì hỏi riêng từng bị đơn; có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì hỏi riêng từng người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chỉ hỏi về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ (nếu có) trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người này.

Các đương sự có thể tự mình trả lời câu hỏi hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích của họ trả lời thay cho họ và sau đó họ trả lời bổ sung.

Trước khi hỏi người làm chứng nếu có, chủ tọa phiên tòa phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với các đương sự trong vụ án.

\* Công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án: (Điều 254 BLTTDS)

HĐXX công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án trong các trường hợp sau:

- Người tham gia tố tụng không có mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử;

- Lời khai của người tham gia tố tụng tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai trước đó;

- Trong các trường hợp khác mà HĐXX thấy cần thiết hoặc Kiểm sát viên, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người tham gia tố tụng khác. Ví dụ như: HĐXX thấy cần thiết công bố kết luận giám định,văn bản cung cấp thông tin của các Cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của Tòa án mới nhận được, các tài liệu, chứng cứ mới mà đương sự cung cấp sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc tại phiên tòa.

\* Nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh (nếu có) theo qui định tại Điều 255 BLTTDS.

\* Xem xét vật chứng theo qui định tại Điều 256 BLTTDS.

\* Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa: (Điều 258 BLTTDS)

Khi nhận thấy các tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác xem họ có yêu cầu hỏi thêm vấn đề gì nữa không, nếu có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc hỏi; nếu không có ai hỏi gì thêm thì chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc việc hỏi chuyển qua phần tranh luận tại phiên tòa.

\* Trình tự phát biểu khi tranh luận như sau: (Điều 260 BLTTDS)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn có quyền bổ sung;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, đối đáp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến.

Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của những người khác. Nếu không còn ai tranh luận, đối đáp gì thì Chủ tọa phiên tòa công bố kết thúc phần tranh luận. Trước khi HĐXX vào phòng nghị án thì Chủ tọa phiên tòa mời Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: (Điều 262 BLTTDS)

- *Phần thứ nhất: Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. (Phần này đã được hướng dẫn thực hiện theo mẫu của VKSND tối cao)*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: KSV nhận xét về việc Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng hoặc chưa đúng qui định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền thụ lý; việc xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; về thu thập chứng cứ; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; thời hạn chuẩn bị xét xử; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và những người tham gia tố tụng.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Kiểm sát viên nhận xét về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, các trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; việc giải quyết thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của những người tham gia tố tụng và thủ tục phiên tòa.

+ Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa: Nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký qui định tại Điều 51 BLTTDS.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng khác: Căn cứ Điều 71, 72, 73 để phát biểu ý kiến đối với từng vụ án cụ thể.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng khác: Căn cứ Điều 76, Điều 78, Điều 84, Điều 86 BLTTDS qui định về quyền và nghĩa vụ của họ để phát biểu ý kiến.

Về cơ bản phát biểu ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng xét về phạm vi, đối tượng không thay đổi so với qui định của BLTTDS năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 (chỉ bổ sung ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa). Tuy nhiên theo qui định tại Điều 262 BLTTDS năm 2015, tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài ý kiến phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng, Kiểm sát viên còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên cần chú ý đến mối tương quan giữa ý kiến phát biểu về tố tụng và ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án để bảo đảm ý kiến phát biểu ngắn gọn nhưng đầy đủ nội dung theo yêu cầu.

- *Phần thứ hai: Ý kiến về đường lối giải quyết vụ án.*

Kiểm sát viên cần thực hiện tố các nội dung sau:

+ Phải chú trọng nghiên cứu hồ sơ, nắm chắc nội dung vụ án.

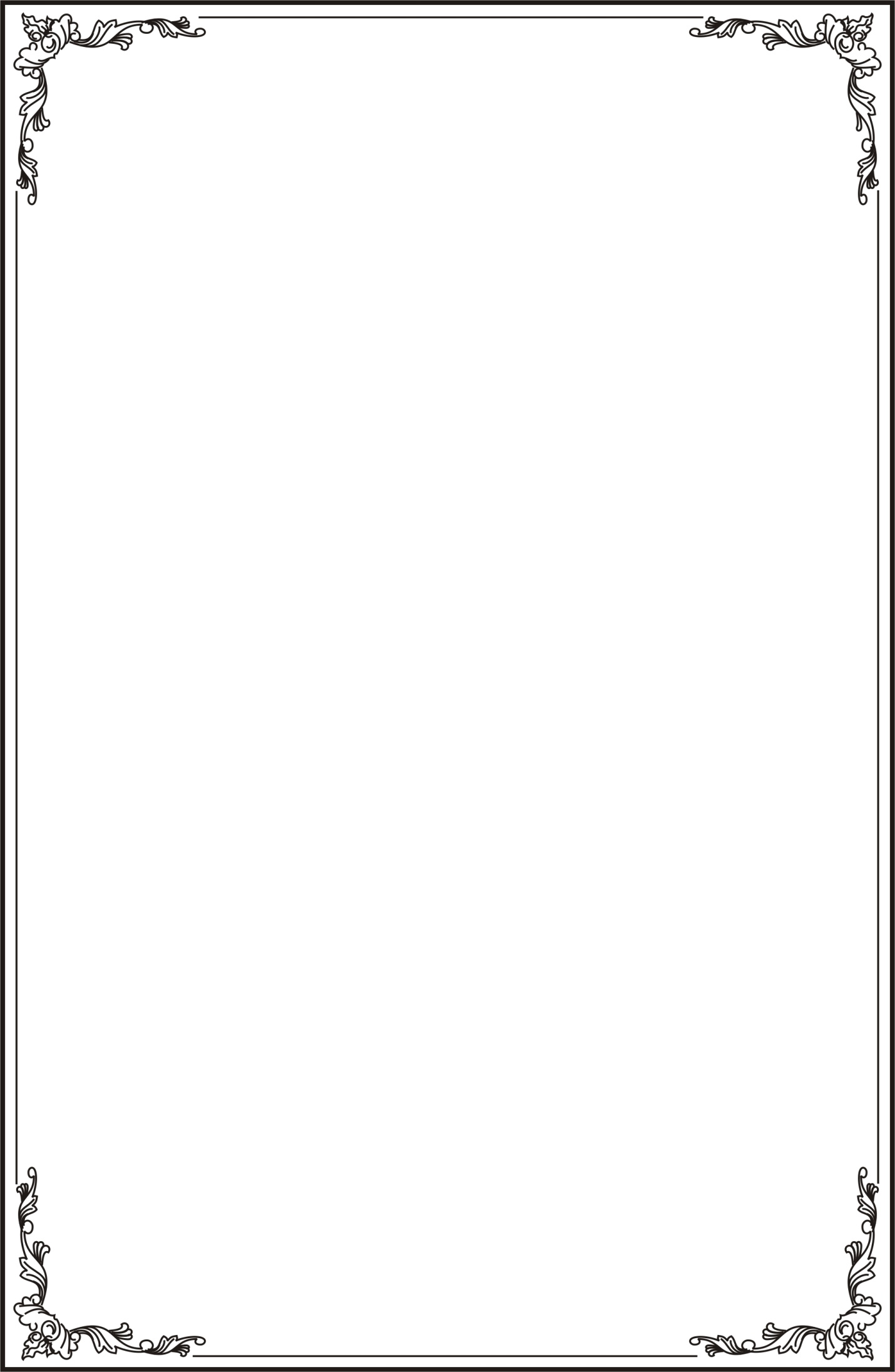
Khi nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên ngoài việc phải nắm chắc về tố tụng như: Thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định đầy đủ và đúng tư cách tố tụng của đương sự chưa, việc thu thập chứng cứ,… thì Kiểm sát viên phải nắm chắc nội dung vụ án, phân tích tổng hợp chứng cứ; áp dụng Điều, Khoản của BLTTDS, Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan một cách chính xác, qua đó đề xuất quan điểm của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quan điểm về đường lối giải quyết vụ án báo cáo Lãnh đạo Viện cho ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở đó, chuẩn bị dự thảo bài phát biểu, dự kiến những nội dung cần hỏi tại phiên tòa… Ngoài ra, Kiểm sát viên còn phải dự kiến những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa và đường lối xử lý; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu cần thiết trong quá trình kiểm sát tại phiên tòa, nhất là BLTTDS, Bộ luật dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm luôn giữ được sự chủ động trong xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa.

+ KSV phải nắm chắc các qui định của BLTTDS về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa. Đây là vấn đề rất quan trọng, có nắm chắc tố tụng, Kiểm sát viên mới có thể làm chủ được đối với các tình huống phát sinh tại phiên tòa cũng như đưa ra ý kiến nhận xét đúng, đầy đủ, chính xác về việc TTPL của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. (Trình tự thủ tục diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm đã trình bày ở phần trên)

+ KSV cần chủ động tham gia hỏi tại phiên tòa. Nội dung hỏi cần tập trung vào các vấn đề liên quan đến tố tụng và nội dung vụ án để phục vụ cho bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như phục vụ cho việc xem xét kiến nghị, kháng nghị sau phiên tòa.

KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, chuẩn bị đề cương câu hỏi trước khi tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, KSV phải chú ý lắng nghe, ghi chép câu trả lời của đương sự có mâu thuẫn với lời khai trước đó của họ, hoặc mâu thuẫn với lời khai của những người tham gia tố tụng khác để đặt câu hỏi làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án để có căn cứ pháp luật đưa ra hướng giải quyết vụ án.

+ KSV cần chú ý bổ sung những tình huống phát sinh tại phiên tòa vào phát biểu, bảo đảm bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là một văn bản pháp lý thể hiện quan điểm toàn diện, đầy đủ của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

****

# THAM LUẬN

***Các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình***

Kính thưa: đ/c

Kính thưa hội nghị!

Thực hiện kế hoạch tổ chức tập huấn công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang trình bày tham luận về *“Các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình”* như sau:

Thành phố Nha Trang là một địa bàn đô thị với nền kinh tế phát triển trên các mặt, là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh Khánh Hòa, tập trung đông dân cư, do đó tình hình xảy ra các tranh chấp dân sự ngày càng gia tăng và phức tạp. Mỗi năm Tòa án cùng cấp thụ lý, giải quyết trên 1.500 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, trong đó nhiều vụ án có quan hệ tranh chấp phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Ðảng, sự phối hợp và tạo điều kiện của Viện kiểm sát cấp trên, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

**I. Một số kết quả trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình 10 tháng** *(01/12/2016 đến 30/9/2017)*

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã kiểm sát 1672 thông báo thụ lý và 1988 bản án, quyết định giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình do Tòa án nhân dân TP. Nha Trang chuyển sang, đạt tỷ lệ 100%*.* Qua công tác kiểm sát thông báo thụ lý, bản án, quyết định do Tòa án chuyển sang, Viện kiểm sát đã kịp thời phát hiện nhiều vi phạm từ đó ban hành 04 kiến nghị vi phạm đối với Tòa án cùng cấp.

- Nghiên cứu và lập hồ sơ kiểm sát 314 vụ việc *(Dân sự: 92 vụ, HNGĐ: 202 vụ, việc DS: 20 việc)*. Qua công tác kiểm sát hồ sơ, Viện kiểm sát đã ban hành 05 yêu cầu Tòa án bổ sung, thu thập chứng cứ để có căn cứ giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Tham gia kiểm sát xét xử 249 vụ án *(Dân sự: 74 vụ, HNGĐ: 175 vụ*); tham gia17 phiên họp giải quyết việc dân sự và 04 phiên họp giải quyết đơn khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện, đảm bảo 100% các phiên tòa, phiên họp đều có Kiểm sát viên tham gia theo quy định của pháp luật. Các báo cáo đề xuất về thủ tục tố tụng, nội dung hướng giải quyết vụ việc dân sự của Kiểm sát viên được lãnh đạo Viện và Tòa án chấp nhận.

- Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã ban hành 02 Quyết định kháng nghị phúc thẩm*.*

- Phối hợp với Tòa án cùng cấp tiến hành tổ chức 11phiên tòa xét xử sơ thẩm rút kinh nghiệm các vụ án dân sự. Qua các phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành họp rút kinh nghiệm, đánh giá những gì đạt - chưa đạt, từ đó nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

**II. Các biện pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình.**

Đề đạt được những kết quả như trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đưa ra một số biện pháp sau đây:

**1. Về công tác chỉ đạo điều hành:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang luôn chú trọng, tăng cường sự chỉ đạo đối với khâu công tác này. Bố trí, sắp xếp cán bộ, Kiểm sát viên có trình độ nghiệp vụ về dân sự đảm nhiệm khâu công tác (06 Kiểm sát viên, 02 cán bộ).

- Đảm bảo tất cả các vụ án đều được phân công Kiểm sát viên kiểm sát từ khi thụ lý đến khi có kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật. Phân công Kiểm sát viên tham gia 100% các phiên tòa, phiên họp mà theo quy định của pháp luật Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia.

- Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo đúng theo quy chế của Ngành.

- Duy trì giao ban nghiệp vụ hằng tháng, hằng quý, từ đó thường xuyên đôn đốc cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện các chỉ tiêu công tác như: chỉ tiêu phiên tòa rút kinh nghiệm, kiến nghị vi phạm, công tác kháng nghị phúc thẩm… Từ đó, đề ra phương hướng hoạt động cho thời gian đến đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu công tác mà Ngành đã đề ra.

**2. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang luôn chú trọng đến việc quán triệt đầy đủ, kịp thời Quy chế kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, cũng như các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình, tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Qua đó, đảm bảo cán bộ, Kiểm sát viên phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình.

- Khuyến khích cán bộ, Kiểm sát viên tự nghiên cứu, trao dồi trình độ nghiệp vụ cũng như cập nhật các văn bản pháp luật mới phục vụ cho công tác kiểm sát án dân sự, hôn nhân gia đình.

- Khuyến khích Kiểm sát viên lựa chọn các vụ án có quan hệ tranh chấp phức tạp, nhiều đương sự để tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm. Qua đó, tổ chức họp rút kinh nghiệm để trau dồi thêm kỹ năng tham gia phiên tòa cho Kiểm sát viên.

- Đảm bảo cử cán bộ, Kiểm sát viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm sát án dân sự, hôn nhân gia đình do Viện kiểm sát cấp trên tổ chức.

**3. Về công tác phối hợp:**

- Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Viện kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang kịp thời tổng hợp, báo cáo những khó khăn, vướng mắc lên Viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Để từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, giúp nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát.

- Tiếp tục thực hiện quy chế phối hợp với Tòa án cùng cấp trong công tác giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình. Tiến hành sơ kết định kỳ, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Từ đó tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế để tháo gỡ vướng mắc và cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật.

**4. Giải pháp trong một số nhiệm vụ, chức năng cụ thể.**

**4.1 Trong công tác kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện**

- Đảm bảo 100% Thông báo trả lại đơn khởi kiện được Viện trưởng Viện kiểm sát phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu, lập phiếu kiểm sát, hồ sơ kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện. Trường hợp xét thấy việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện không có căn cứ thì Kiểm sát viên nhanh chóng báo cáo, đề xuất đến Lãnh đạo Viện để thực hiện quyền kiến nghị với Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện.

- Bố trí, phân công Kiểm sát viên tham gia 100% các phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án. Qua đó, giúp việc giải quyết khiếu nại đối với Thông báo trả lại đơn khởi kiện của Tòa án được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**4.2** **Trong công tác** k**iểm sát việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm.**

- Kiểm sát và lập phiếu kiểm sát 100% Thông báo thụ lý, Bản án, quyết định giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình do Tòa án cùng cấp chuyển sang. Lập sổ theo dõi, tích lũy vi phạm đúng theo quy chế của Ngành. Từ đó, phát hiện, tổng hợp các vi phạm để kịp thời thực hiện các quyền kiến nghị, kháng nghị đối với Tòa án cùng cấp.

- Kiểm sát chặt chẽ về thời hạn gửi, căn cứ, thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của bản án, quyết định. Nếu xét thấy cần phải nghiên cứu hồ sơ vụ việc thì báo cáo lãnh đạo để yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ theo quy định tại Điều 5 TTLT số 02/2016. Trường hợp phát hiện vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo để xem xét kháng nghị hoặc kiến nghị theo thẩm quyền. Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét kháng nghị phúc thẩm theo thẩm quyền.

- Đảm bảo 100% bản án, quyết định kèm theo phiếu kiểm sát bản án, quyết định được gửi cho Viện kiểm sát ở cấp phúc thẩm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền; tránh việc gửi chậm trễ dẫn đến Viện kiểm sát cấp phúc thẩm khi nhận Bản án, quyết định phát hiện có vi phạm thì đã hết thời hạn kháng nghị.

**4.3** **Về việc nghiên cứu các hồ sơ vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình do Tòa án chuyển sang để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của BLTTDS.**

- Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và của những người tham gia tố tụng; xem xét yêu cầu khởi kiện, các điều kiện khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án; kiểm tra, đánh giá khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ; việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để lập hồ sơ vụ án của Tòa án theo quy định của BLTTDS. Trường hợp phát hiện Tòa án chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ bảo đảm cho việc giải quyết vụ án đúng pháp luật thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện để thực hiện quyền yêu cầu Toà án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 58 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 22 Thông tư liên tịch số 02/2016. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc thu thập chứng cứ của Tòa án thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện để thực hiện quyền kiến nghị.

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên xây dựng báo cáo để xuất trình Lãnh đạo Viện phê duyệt. Đối với những vụ án phức tạp có nhiều vướng mắc, Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang đã trực tiếp kiểm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dựa trên báo cáo, đề xuất của Kiểm sát viên. Từ đó, trực tiếp chỉ đạo, đưa ra hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả xét xử vụ án với lãnh đạo Viện. Trường hợp, Bản án Tòa án tuyên trái quan điểm, không có căn cứ pháp luật thì kịp thời thực hiện quyền kháng nghị theo quy định.

- Việc lập hồ sơ kiểm sát phải đảm bảo việc trích cứu đầy đủ, sao chụp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và thể hiện rõ nguồn của tài liệu, chứng cứ được thu thập. Ngoài ra, hồ sơ kiểm sát còn bao gồm các tài liệu thể hiện hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát. Hồ sơ phải được đánh số bút lục và lập bảng kê danh mục tài liệu theo quy định của VKSND tối cao.

**4.4 Tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm:**

- Thứ nhất: Tăng cường phát hiện vi phạm trong công tác kiểm sát các Bản án, Quyết định do Tòa án cùng cấp chuyển sang. Khi kiểm sát bản án, quyết định Kiểm sát viên cần phải chú ý:

+ Đối với các quyết định: Cần chú ý căn cứ để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ đảm bảo đúng qui định không; có yêu cầu phản tố của bị đơn hay yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không; việc thỏa thuận của đương sự đã phù hợp qui định của pháp luật chưa; có làm thiệt hại đến quyền lợi của người thứ ba không; thời hạn gửi quyết định cho Viện kiểm sát đã đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự chưa…

+ Đối với bản án: Cần đọc kỹ bản án để xác định xem yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Sau đó đối chiếu với quyết định giải quyết của bản án sơ thẩm để xác định xem bản án có vi phạm gì về thủ tục tố tụng như: Không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn không đúng; giải quyết vụ án vượt quá phạm vi khởi kiện.... Về nội dung trong bản án áp dụng quan hệ pháp luật nào để giải quyết vụ án; việc viện dẫn điều luật đã chính xác và đầy đủ chưa; việc giải quyết có đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong vụ án không...

- Thứ hai: Khi phát hiện được vi phạm của bản án, quyết định cần phải nhanh chóng yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ nghiên cứu xem xét để xác định mức độ vi phạm, vi phạm điều khoản nào của luật tố tụng và luật nội dung. Đồng thời phải báo cáo đề xuất lãnh đạo đơn vị kháng nghị hay không kháng nghị; đối với những vi phạm rõ ràng, cụ thể, nghiêm trọng phải kiên quyết kháng nghị; khi ban hành kháng nghị phải đảm bảo trong thời hạn kháng nghị, phải đảm bảo về hình thức kháng nghị theo mẫu của Viện kiểm sát tối cao.

- Thứ ba: Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên được phân công thực hiện công tác dân sự; tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm để phục vụ cho công tác nghiệp vụ.

- Thứ tư: Tăng cường công tác phối hợp giữa Viện kiểm sát hai cấp để thực hiện tốt công tác kiểm sát bản án, quyết định, kịp thời phát hiện vi phạm và thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm, hạn chế việc kháng nghị rồi phải rút quyết định kháng nghị.

Trên đây là Tham luận trình bày một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, Viện kiểm sát nhân dân TP. Nha Trang trao đổi đến toàn thể hội nghị.

Cuối cùng tôi xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cám ơn các đồng chí.

***VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TP. NHA TRANG***

# THAM LUẬN

***Các biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ án dân sự, hôn nhân gia đình bị hủy, sửa***

*Kính thưa: Đ/c Trần Thanh Thủy-Chủ trì hội nghị!*

*Thưa các Đ/c lãnh đạo phòng 9!*

*Thưa toàn thể Hội nghị!*

Được sự phân công của Lãnh đạo VKS Tỉnh sau đây đơn vị chúng tôi xin trình bày tham luận về nội dung: ***Các biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ án dân sự, hôn nhân gia đình bị hủy, sửa***.

Trước hết có đôi dòng về khâu công tác này ở đơn vị. 09 tháng đầu năm nay (Từ 01/12/2016 đến 30/9/2017), Tòa án Ninh Hòa thụ lý 781 vụ án dân sự các loại. Trong đó có 167 vụ đưa ra xét xử có sự tham gia của KSV. Mặc dù chỉ có một KSV phụ trách chính và một số KSV kiêm nhiệm, cũng mới được bổ nhiệm còn nhiều lúng túng, bỡ ngỡ, nhưng chúng tôi cố gắng thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu đã đăng ký. Kiểm sát thụ lý, bản án, quyết định 100%, ghi chép cập nhật đầy đủ các loại sổ sách, cập nhật phần mềm thống kê, phân công KSV tham gia các phiên tòa phát biểu quan điểm được HĐXX chấp nhận. Qua nghiên cứu hồ sơ phát hiện còn thiếu chứng cứ nên đã ban hành 18 văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ được chấp nhận, đáp ứng; phối hợp với Tòa án tổ chức 04 phiên tòa rút kinh nghiệm; ban hành một kiến nghị tổng hợp đối với Tòa án và chuẩn bị ban hành một kiến nghị phòng ngừa đối với UBND Thị Xã Ninh Hòa, xây dựng, ký kết quy chế phối hợp giữa hai ngành v.v. Như vậy nhìn chung đã hoàn thành tốt nhiệm vụ khâu công tác này. Mặc dù vậy vẫn không tránh khỏi một số sai sót và còn phải nỗ lực rất nhiều để tiếp tục duy trì và vượt các chỉ tiêu đăng ký, hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng cao hơn và đặc biệt là hạn chế tới mức thấp nhất án bị hủy, sửa.

Bản tham luận này được tổng hợp từ sự tham gia đóng góp của hầu hết các KSV trong đơn vị, ở nhiều độ tuổi, trình độ năng lực khác nhau, dựa trên thực tiễn công tác của bản thân, tự đúc rút, đánh giá nên tính toàn diện, sâu sắc có thể không cao nhưng phản ánh được ở mức độ nào đó về nhận thức, phương pháp của đơn vị cấp huyện.

Bản tham luận gồm có các phần sau đây:

**I/** **NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ CỦA VIỆC ÁN BỊ HỦY, SỬA**:

**1/** **Nguyên nhân**:

Xác định nguyên nhân án bị hủy, sửa thì phải tìm hiểu dựa trên sai phạm nào tòa cấp trên hủy, sửa án của tòa cấp dưới. Theo các Điều 309, 310, 345 (không tính trong giai đoạn tái thẩm) BLTTDS 2015 thì án bị hủy, sửa trong các trường hợp:

*-* *Tòa sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong trường hợp chứng cứ đã được thu thập đầy đủ và đúng quy định;*

*- Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được;*

*- Thành phần của HĐXX sơ thẩm không đúng, hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự;*

*- Kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khánh quan của vụ án hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.*

Như vậy từ những căn cứ để Tòa cấp trên hủy, sửa án của cấp dưới, chúng tôi nhận thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến án bị hủy, sửa là:

- Chứng cứ được thu thập đầy đủ nhưng việc phân tích, đánh giá không toàn diện, không chính xác dẫn đến phán quyết không đúng hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật;

- Thủ tục tố tụng bị vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự;

- Chứng cứ thu thập không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

**II/** **BIỆN PHÁP HẠN CHẾ ÁN BỊ HỦY, SỬA**:

Từ những nguyên nhân chính nêu trên , chúng tôi thấy để hạn chế án bị hủy, sửa cần thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với KSV, KTV: khi được phân công giải quyết phải xác định thái độ làm việc nghiêm túc, kỹ lưỡng, không được chủ quan, xem nhẹ công việc này, không được ỷ lại lãnh đạo, ỷ lại thẩm phán; nhận thức đầy đủ hậu quả của việc án bị hủy, sửa sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng như thế nào đến bản thân, đơn vị đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự và sự ổn định trong xã hội; tập trung, chú tâm, chịu khó nghiên cứu kỹ hồ sơ, mạnh dạn trao đổi, đề xuất, tranh luận với lãnh đạo, đồng nghiệp những vấn đề có vướng mắc; nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc; tuân thủ quy chế công tác; trung thực khi báo cáo, đề xuất với lãnh đạo; thường xuyên tự học hỏi để tích lũy kiến thức kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, kịp thời cập nhật văn bản pháp luật mới;

- Đối với lãnh đạo: Triển khai kịp thời kế hoạch công tác năm; phân công nhiệm vụ khách quan, dựa trên năng lực sở trường của KSV; tạo không khí làm việc thân thiện cởi mở nhưng vẫn nghiêm túc để cấp dưới mạnh dạn, tự tin đề đạt những khúc mắc trong công việc; tận tình hướng dẫn, cùng trao đổi để tháo gỡ khó khăn; tăng cường kiểm tra để chấn chỉnh, khắc phục, ngăn ngừa sai phạm đồng thời cũng nêu cao tính độc lập, chịu trách nhiệm của KSV, KTV; Khi có vấn đề phức tạp thì chủ động, thường xuyên tranh thủ sự chỉ đạo hướng dẫn của phòng nghiệp vụ, lãnh đạo cấp trên; khi có văn bản mới, thông báo rút kinh nghiệm, kết luận chỉ đạo của cấp trên thì tổ chức họp ngay để bàn luận, nắm vững, quán triệt;

- Khi nghiên cứu hồ sơ phải chú trọng:

\* Về thủ tục tố tụng: Xác định vụ án có thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa hay không? Các điều kiện khởi kiện có thỏa mãn hay không? Thủ tục tống đạt có hợp lệ không? Các quan hệ pháp luật nào cần giải quyết; chú trọng xem xét các yêu cầu của bị đơn, người liên quan, nếu thuộc trường hợp phản tố, yêu cầu độc lập thì hướng dẫn họ làm thủ tục để có cơ sở xem xét; rà soát đưa đầy đủ người liên quan vào tham gia tố tụng và xác định chính xác địa vị tham gia tố tụng của các đương sự tùy vào từng giai đoạn tố tụng để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

\* Về thu thập chứng cứ và chứng minh: Các chứng cứ thu thập phải đảm bảo tuân thủ quy định của BLTTDS. Trong đó lưu ý đối với tài liệu đọc được phải là bản chính, bản sao có công chứng chứng thực hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp xác nhận; việc giao nộp chứng cứ phải có biên bản giao nhận và ghi chép chi tiết, cụ thể về nội dung, đặc điểm của chứng cứ tài liệu để xác định nguồn của tài liệu chứng cứ, nâng cao trách nhiệm của Tòa án, trách làm mất mát hư hỏng tài liệu, chứng cứ; khi tiến hành xem xét tại chỗ, định giá tài sản phải mô tả chi tiết tài sản tranh chấp, vẽ sơ đồ, tránh việc sau này khi xét xử đương sự làm thay đổi hiện trạng ban đầu dẫn đến phấn quyết không phù hợp với thực tế; Khi nghiên cứu hồ sơ thấy còn thiếu chứng cứ thì phải áp dụng ngay biện pháp yêu cầu Tòa án xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Nếu Tòa không chấp nhận thì phải kiên quyết phát biểu quan điểm nêu rõ sự cần thiết của những chứng cứ mà VKS đã yêu cầu thu thập mà nếu không có thì không đủ cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Đặc biệt đối với trường hợp những chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; Đối với việc các đương sự chứng minh cho yêu cầu của mình thì cần phải tuân thủ quy định Điều 91, 92. Trong đó lưu ý sự khác nhau giữa việc đương sự phản đối yêu cầu của đương sự khác với việc đương sự có yêu cầu phản tố.

- Về áp dụng pháp luật: Thực tế cho thấy các vụ án bị hủy, sửa đa phần là các tranh chấp nhà đất. Vấn đề này cũng có lý do khách quan là các tranh chấp nhà đất thường kéo dài qua nhiều thời kỳ nên rất khó thu thập chứng cứ và đặc biệt hệ thống pháp luật có nhiều thay đổi, lại bị chồng chéo, mâu thuẫn không có giải thích kịp thời nên việc hiểu để áp dụng chính xác là rất khó khăn. Nên đây có lẽ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến án bị hủy, sửa. Chẳng hạn như đối với các giao dịch chuyển nhượng nhà đất không đảm bảo hình thức thì thực tế diễn biến rất đa dạng và việc công nhận hay không có rất nhiều quan điểm. Chúng tôi thấy rằng trong trường hợp này trước hết phải thu thập đủ và nghiên cứu kỹ văn bản điều chỉnh phù hợp với lĩnh vực và thời kỳ xảy ra, tiếp đến phải chịu khó thu thập, sưu tầm các thông báo rút kinh nghiệm của cấp trên, nghiên cứu án lệ để vận dụng và phải kịp thời báo cáo, tranh thủ chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên thì mới đảm bảo giải quyết vụ án chính xác;

- Về phán quyết đối với yêu cầu của các đương sự: Trong các vụ án dân sự, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, HĐXX sẽ phán quyết theo hướng chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Rõ ràng việc chấp nhận hay không chấp nhận phải dựa trên tài liệu chứng cứ thu thập được và căn cứ pháp luật áp dụng. Tuy nhiên đối với những vụ án phức tạp thì còn phải giải quyết rất nhiều quan hệ pháp luật khác như: xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu, xử lý quyền, nghĩa vụ của người thứ ba, xử lý văn bản hành chính trái pháp luật, tính toán án phí, tính toán lãi suất v.v. và sai phạm hay xảy ra khi không xử lý chính xác toàn bộ các quan hệ pháp luật dẫn đến án bị hủy, sửa nên cần hết sức thận trọng trong các trường hợp này đòi hỏi KSV cần nắm vững các quy định của Luật nội dung, tư duy mạch lạc để tránh nhầm lẫn sai sót và quan trọng nhất là phải đề xuất xin ý kiến ngay với lãnh đạo để cần thiết thì đưa ra trao đổi trong tập thể KSV, tranh thủ sự hướng dẫn chỉ đạo của cấp trên.

- Thực sự quan tâm đến việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Các phiên tòa này rất cần thiết để cán bộ, KSV rút ra những bài học quý giá, tích lũy kinh nghiệm cho mình. Trước khi xét xử cần tổ chức họp ngắn gọn để cán bộ KSV tham dự nắm bắt được nội dung vụ việc, cùng tham gia tháo gỡ vướng mắc, phát hiện thiếu sót mà KSV xét xử chưa phát hiện, chủ động khi theo dõi phiên tòa để đóng góp ý kiến có chất lượng trong buổi họp rút kinh nghiệm.

**III/** **MỘT SỐ ĐỀ XUẤT**

Bên cạnh những biện pháp nêu trên, chúng tôi cũng mạnh dạn đề xuất một số vấn đề sau với mục đích để hạn chế án bị hủy, sửa:

- Các tranh chấp nhà đất rất phức tạp. Trong đó biện pháp thu thập chứng cứ xem xét thẩm định tại chỗ theo chúng tôi là rất quan trọng để có cơ sở giải quyết vụ án. Sau khi Tòa án tiến hành sẽ lập biên bản mô tả hiện trạng, thuê đo vẽ đưa vào hồ sơ. Tuy nhiên đối với cấp sơ thẩm là cấp đưa ra phán quyết ban đầu nên nếu KSV chỉ đọc biên bản, sơ đồ địa chính thì rất khó khăn cho việc nắm bắt bản chất vấn đề do vậy trong khi Luật chưa điều chỉnh thì cho phép cấp Huyện đưa vào quy chế phối hợp với Tòa án để KSV được cùng tham gia với tư cách phối hợp có được hay không?

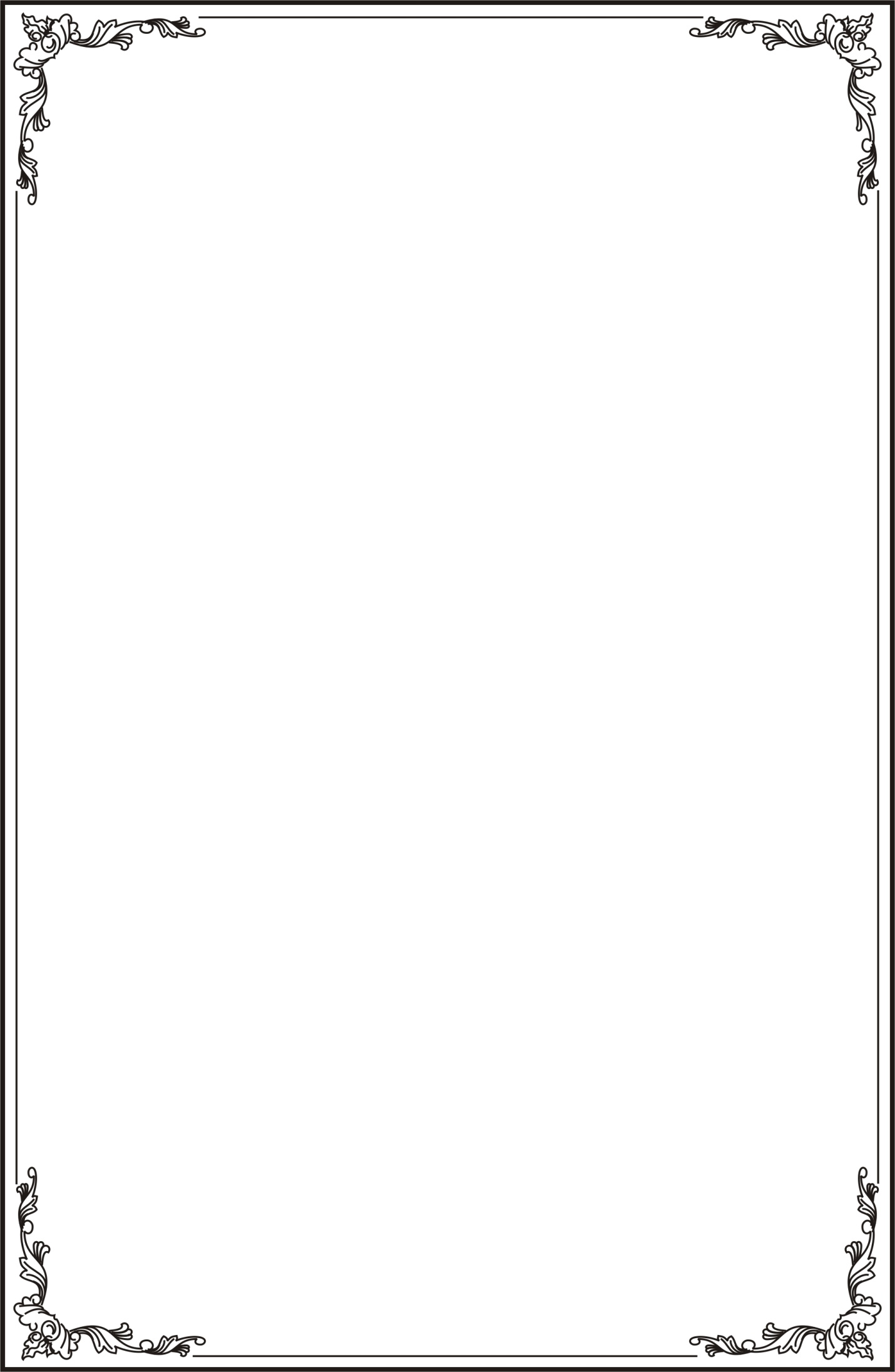
- Hiện nay nếu xác định vụ án mà VKS phải tham gia phiên tòa thì tòa án thông báo để VKS phân công KSV. Tuy nhiên để tiếp cận hồ sơ thì chỉ sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy làm hạn chế chức năng kiểm sát và mức độ phối hợp nhất là trong việc yêu cầu thu thập chứng cứ, bởi vì khi có quyết định đưa ra xét xử thì thời gian không còn nhiều, khó đáp ứng yêu cầu của VKS mà nếu tạm ngừng, tạm đình chỉ thì ảnh hưởng chỉ tiêu thi đua, kéo dài thời hạn giải quyết. Do vậy đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng sau khi có thông báo tham gia phiên tòa thì tòa cho VKS sao chụp ngay hồ sơ và kịp thời có yêu cầu thu thập chứng cứ (nếu có) cần thiết thì trực tiếp thực hiện một số hoạt động thu thập chứng cứ như: lấy lời khai đương sự, xác minh, thu thập tài liệu tại cơ quan tổ chức, xác minh sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú. Trước mắt đưa vào quy chế phối hợp về việc cho VKS sao chụp hồ sơ có được hay không?

- Thường lệ năm nào cũng vậy Tòa án tập trung giải quyết án (phần lớn là án phức tạp để kéo dài) vào tháng 9 với số lượng nhiều trong khi số lượng KSV có hạn và thời gian nghiên cứu không có nhiều nên không thể tham gia hết các phiên tòa và rất bị động trong việc nghiên cứu trao đổi, yêu cầu thu thập chứng cứ do đó dễ bị sai sót dẫn đến án bị hủy, sửa. VKS cấp huyện cần trao đổi với Tòa án để giảm thiểu tình trạng này. Tuy nhiên cần phải có tác động chỉ đạo của cấp Tỉnh mới có thể khả thi;

- Sau khi cấp phúc thẩm hủy, sửa án của cấp sơ thẩm thì có văn bản thông báo rút kinh nghiệm. Tuy nhiên trong trường hợp bản án của cấp phúc thẩm lại bị hủy, sửa bởi cấp giám đốc thẩm, tái thẩm thì cần kịp thời văn bản chỉnh sửa, bổ sung hay thu hồi thông báo rút kinh nghiệm để áp dụng cho đúng.

Trên đây là tham luận của VKS Ninh Hòa trình bày trong hội nghị này. Rất mong được cấp trên và các đồng nghiệp góp ý để chất lượng công tác ngày một tốt hơn.

***VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TX.NINH HÒA***



|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  **TỐI CAO**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

# QUY CHẾ

**Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-VKSTC*

*ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Vị trí của công tác**

Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự) là công tác thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án kịp thời, đúng pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng của công tác**

Đối tượng của công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự là việc tuân theo pháp luật của Tòa án, người tiến hành tố tụng của Tòa án, người tham gia tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

**Điều 3. Phạm vi của công tác**

1. Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự bắt đầu từ khi Tòa án thông báo trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự hoặc từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ việc dân sự đến khi bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà không có kháng nghị, không có yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

2. Quy chế này được áp dụng trong kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, kể cả vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

**Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát**

Khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, VKSND có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu;

2. Kiểm sát việc thụ lý vụ việc dân sự;

3. Kiểm sát việc Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; yêu cầu Tòa án xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự hoặc tự mình xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc thực hiện quyền kháng nghị;

4. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án;

5. Kiểm sát kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

6. Nghiên cứu hồ sơ vụ việc;

7. Tham gia phiên tòa, phiên họp; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, phiên họp,người tham gia tố tụng tại phiên tòa, phiên họp; phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ việc tại phiên tòa, phiên họp;

8. Kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án;

9. Yêu cầu Tòa án cùng cấp hoặc cấp dưới chuyển hồ sơ vụ việc dân sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị;

10. Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật;

11. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoãn thi hành bản án, quyết định của Tòa án để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khi thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;

12. Tiếp nhận, giải quyết đơn đề nghị, thông báo, kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, thủ tục đặc biệt;

13. Kiến nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân (HĐTP TAND) tối cao theo thủ tục đặc biệt;

14. Kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước và thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị khác theo quy định của pháp luật;

15. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định tại các điều 57, 62 và khoản 3 Điều 368 BLTTDS.

Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phiên họp thì Viện trưởng trực tiếp hoặc ủy quyền cho một Phó Viện trưởng ký Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp. Phó Viện trưởng ký quyết định phân công phải ghi rõ là “ký thay Viện trưởng”.

2. Việc gửi quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 24 và Điều 25 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của VKSND tối cao và TAND tối cao quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là TTLT số 02/2016) .

**Điều 6. Kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm**

Trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án, nếu phát hiện vi phạm pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm theo quy định tại Điều 5 Luật tổ chức VKSND và Điều 21 BLTTDS. Việc kiến nghị có thể đối với từng vi phạm cụ thể hoặc tập hợp nhiều vi phạm nhưng phải kịp thời.

**Điều 7. Xử lý việc khiếu nại, tố cáo**

Khi nhận được khiếu nại, tố cáo đối với quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát thì đơn vị tiếp nhận chuyển khiếu nại, tố cáo cho đơn vị có chức năng giải q uyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

**Chương II**

**KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC DÂN SỰ**

**Mục 1**

**Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện**

**Điều 8. Kiểm sát văn bản trả lại đơn khởi kiện**

Sau khi nhận được văn bản trả lại đơn khởi kiện của Tòa án cùng cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thụ lý, nghiên cứu, lập phiếu kiểm sát, hồ sơ kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện. Khi cần thiết thì thực hiện quyền yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 và Điều 21 TTLT số 02/2016. Trường hợp xét thấy việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện không có căn cứ thì báo cáo, đề xuất Viện trưởng để thực hiện quyền kiến nghị với Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLTTDS.

Việc lập phiếu kiểm sát, văn bản kiến nghị, hồ sơ kiểm sát thực hiện theo hướng dẫn của VKSND tối cao.

**Điều 9. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát phân công Kiểm sát viên, Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) tham gia phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 194 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 26 TTLT số 02/2016.

2. Trường hợp không đồng ý với quyết định trả lời khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện của Thẩm phán, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp theo quy định tại khoản 6 Điều 194 BLTTDS.

3. Trường hợp có căn cứ xác định quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp có vi phạm pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân (TAND) cấp cao nếu quyết định bị khiếu nại, kiến nghị là của Chánh án TAND cấp tỉnh hoặc với Chánh án TAND tối cao nếu quyết định bị khiếu nại, kiến nghị là của Chánh án TAND cấp cao. Quyết định của Chánh án TAND cấp cao hoặc của Chánh án TAND tối cao là quyết định cuối cùng.

**Mục 2**

**Kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm**

**Điều 10. Kiểm sát việc thụ lý vụ án**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát việc thụ lý vụ án phải vào sổ thụ lý, lập phiếu kiểm sát theo quy định tại Điều 196 BLTTDS.

2. Căn cứ vào các điều 26, 28, 30, 32, 186 và 187 BLTTDS, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án, thời hiệu khởi kiện, điều kiện khởi kiện, tư cách pháp lý của người khởi kiện và những nội dung khác. Trường hợp phát hiện vi phạm thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

**Điều 11. Kiểm sát việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vụ án ra giải quyết theo thủ tục rút gọn kèm theo hồ sơ vụ án quy định tại khoản 3 Điều 318 BLTTDS, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hiện như sau:

1.Trường hợp vụ án được đưa ra giải quyết theo thủ tục rút gọn có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 317 BLTTDS thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu và trả lại hồ sơ cho Tòa án. Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa theo thủ tục rút gọn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Mục 3 Chương XIV BLTTDS.

2. Khi phát hiện vụ án được đưa ra giải quyết theo thủ tục rút gọn thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 317 BLTTDS thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo ngay với Viện trưởng Viện kiểm sát để kịp thời thực hiện quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định theo quy định tại Điều 319 BLTTDS.

**Điều 12. Lập hồ sơ kiểm sát**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công nghiên cứu hồ sơ vụ án có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm sát.

2. Hồ sơ kiểm sát phải trích cứu đầy đủ, trung thực lời trình bày của đương sự, sao chụp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và thể hiện rõ nguồn của tài liệu, chứng cứ được thu thập. Hồ sơ kiểm sát còn bao gồm các tài liệu thể hiện hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát cùng cấp; ý kiến chỉ đạo đường lối giải quyết vụ án của Viện kiểm sát cấp trên (nếu có).

3. Hồ sơ kiểm sát phải được lập, đánh số bút lục theo thời gian và lập bảng kê danh mục tài liệu theo quy định của VKSND tối cao.

**Điều 13. Kiểm sát việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ**

Khi kiểm sát việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát về trình tự, thủ tục, về nguồn chứng cứ bảo đảm tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp, khách quan, đầy đủ, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án đúng pháp luật.

**Điều 14. Yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ**

Trường hợp xét thấy tài liệu, chứng cứ chưa bảo đảm cho việc giải quyết vụ án thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để kịp thời yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 58 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 22 TTLT số 02/2016.

**Điều 15. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời**

Khi nhận được quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc văn bản thông báo không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục; các trường hợp áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại các điều 114, 137, 138 của BLTTDS và nội dung của quyết định, thông báo. Trường hợp phát hiện vi phạm thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 140 BLTTDS.

**Điều 16. Kiểm sát quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự**

1. Khi nhận được quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thành phần tham gia hòa giải, nội dung và kết quả hòa giải thành theo quy định tại các điều 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211 và 212 của BLTTDS. Khi phát hiện vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền để thực hiện quyền kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm.

Trường hợp có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

2. Khi kiểm sát việc hòa giải tại phiên tòa theo thủ tục rút gọn, Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung hòa giải theo quy định tại khoản 3 Điều 320 BLTTDS, kịp thời phát hiện vi phạm trong việc hòa giải để thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

**Điều 17. Kiểm sát việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ thời hạn gửi quyết định tạm đình chỉ của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 214 BLTTDS; các căn cứ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 214 BLTTDS và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Khi phát hiện vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị.

2. Trường hợp tại phiên tòa, khi Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về quyết định tạm đình chỉ. Nếu phát hiện vi phạm thì sau phiên tòa, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị.

3. Khi thực hiện kiểm sát việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập phiếu kiểm sát, đồng thời kiểm sát chặt chẽ việc Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 215 BLTTDS.

**Điều 18. Kiểm sát việc đình chỉ giải quyết vụ án**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ thời hạn gửi quyết định đình chỉ của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 217 BLTTDS; các căn cứ Tòa án ra quyết định đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 217 BLTTDS và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Khi phát hiện vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị

2. Trường hợp tại phiên tòa, khi Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về quyết định đình chỉ. Nếu phát hiện vi phạm thì sau phiên tòa, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị.

3. Khi thực hiện kiểm sát việc đình chỉ giải quyết vụ án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập phiếu kiểm sát.

**Điều 19. Nghiên cứu hồ sơ vụ án**

1. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên toà, phiên họp tại Tòa án cấp sơ thẩm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 4 TTLT số 02/2016.

2. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và của những người tham gia tố tụng; xem xét yêu cầu khởi kiện, các điều kiện khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án; kiểm tra, đánh giá khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ; việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để lập hồ sơ vụ án của Tòa án theo quy định tại Điều 204 BLTTDS.

3. Trường hợp phát hiện Tòa án chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ bảo đảm cho việc giải quyết vụ án đúng pháp luật thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát để thực hiện quyền yêu cầu Toà án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 58 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 22 TTLT số 02/2016. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc thu thập chứng cứ của Tòa án thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị.

4. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, dự thảo đề cương hỏi, dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tại phiên tòa.

**Điều 20. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án, phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ án; nội dung báo cáo ngoài phần mở đầu, phải thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Yêu cầu của người khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện xuất trình; quan điểm của người bị kiện, tài liệu, chứng cứ do người bị kiện xuất trình; quan điểm và tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình (nếu có); tài liệu, chứng cứ do Tòa án hoặc do Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập;

b) Nhận xét, đánh giá, ý kiến đề xuất của người nghiên cứu đối với vụ án về tố tụng; về thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ; về áp dụng pháp luật; về đường lối giải quyết vụ án;

c) Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

2. Báo cáo được thực hiện theo mẫu do VKSND tối cao ban hành và được lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Người nghiên cứu hồ sơ phải ký nháy vào cuối mỗi trang và ký, ghi rõ họ tên vào cuối báo cáo.

**Điều 21. Kiểm sát việc hoãn, tạm ngừng phiên tòa**

1. Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ về căn cứ, thời hạn, thẩm quyền, nội dung quyết định hoãn, quyết định tạm ngừng phiên tòa của Hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 233 và Điều 259 BLTTDS. Trường hợp phát hiện vi phạm thì yêu cầu Hội đồng xét xử khắc phục hoặc sau phiên tòa báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét kiến nghị khắc phục vi phạm.

2. Trường hợp có căn cứ để hoãn, tạm ngừng phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn, tạm ngừng phiên tòa. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên tòa và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Sau phiên tòa, Kiểm sát viên kịp thời báo cáo với lãnh đạo Viện kiểm sát về kết quả xét xử sơ thẩm để xem xét kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm.

**Điều 22. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm**

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng về các nội dung sau:

1. Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;

2. Việc từ chối tiến hành tố tụng, giám định, phiên dịch; việc đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; việc quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch;

3. Việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của đương sự;

4. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và xem xét chấp nhận việc giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa;

5. Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

**Điều 23. Việc hỏi, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa**

1. Kiểm sát viên theo dõi, ghi chép những nội dung cần thiết về nội dung hỏi của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người tham gia tố tụng khác và Hội đồng xét xử; trả lời của người được hỏi, đối chiếu với những nội dung đã chuẩn bị trong đề cương hỏi. Sau khi Hội đồng xét xử kết thúc việc hỏi, Kiểm sát viên chỉ hỏi những vẫn đề còn chưa rõ nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

2. Kiểm sát viên có thể yêu cầu Hội đồng xét xử công bố tài liệu, cho nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác lưu trữ âm thanh, hình ảnh (nếu có); xem xét vật chứng; yêu cầu tạm ngừng, hoãn phiên tòa khi có căn cứ theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm sát viên kiến nghị Hội đồng xét xử về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và kiến nghị khắc phục vi phạm tại phiên tòa (nếu có).

4. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, Kiểm sát viên có thể bổ sung văn bản phát biểu ý kiến và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về các nội dung sau:

a) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án;

b) Việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 262 BLTTDS và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 28 TTLT số 02/2016;

5. Trường hợp Kiểm sát viên yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ bảo đảm đủ cơ sở giải quyết vụ án, nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nêu rõ việc chưa có đủ cơ sở để giải quyết vụ án vì thiếu những chứng cứ mà Kiểm sát viên đã yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập bổ sung.

6. Khi Chủ tọa phiên tòa tuyên án, Kiểm sát viên phải ghi chép nhận định, căn cứ pháp luật và phần quyết định của bản án để làm căn cứ kiểm sát bản án, quyết định.

**Điều 24. Kiểm tra biên bản phiên tòa**

Sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện quyền xem biên bản phiên tòa. Trường hợp Kiểm sát viên yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa thì Kiểm sát viên phải ký xác nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 236 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 23 TTLT số 02/2016.

**Điều 25. Báo cáo kết quả xét xử sơ thẩm**

Sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả xét xử vụ án với lãnh đạo Viện kiểm sát. Báo cáo kết quả xét xử sơ thẩm được lập theo mẫu và được gửi theo quy định của VKSND tối cao.

**Điều 26. Kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện kiểm sát tất cả các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập phiếu kiểm sát khi kiểm sát bản án, quyết định đình chỉ, quyết định tạm đình chỉ; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ về thời hạn gửi, căn cứ, thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của bản án, quyết định. Nếu xét thấy cần phải nghiên cứu hồ sơ vụ việc thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ theo quy định tại Điều 5 TTLT số 02/2016. Trường hợp phát hiện vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo Viện kiểm sát để xem xét kháng nghị hoặc kiến nghị theo thẩm quyền.

Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét kháng nghị phúc thẩm theo thẩm quyền.

3. Khi xét thấy cần thiết phải thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để thực hiện quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS.

4. Trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung bản án, quyết định thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên đề xuất với lãnh đạo Viện kiểm sát để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

5. Viện kiểm sát ở cấp sơ thẩm phải sao gửi ngay bản án, quyết định kèm theo Phiếu kiểm sát bản án, quyết định, thông báo việc kháng cáo (nếu có) cho Viện kiểm sát ở cấp phúc thẩm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền.

Đối với bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát ở cấp sơ thẩm sao gửi bản án, quyết định kèm theo phiếu kiểm sát bản án, quyết định đó cho Viện kiểm sát cấp cao có thẩm quyền theo lãnh thổ.

**Mục 3**

**Kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục phúc thẩm**

**Điều 27. Áp dụng quy định về kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm đối với thủ tục phúc thẩm**

Những quy định của Mục này được áp dụng để kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp Mục này không có quy định thì áp dụng những quy định tại Mục 2 Chương II của Quy chế này để thực hiện kiểm sát.

**Điều 28. Kiểm sát việc xem xét kháng cáo quá hạn, việc chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm**

1. Kiểm sát viên nghiên cứu đơn kháng cáo quá hạn, bản tường trình của người kháng cáo về lý do nộp đơn kháng cáo quá hạn; tường trình của người kháng cáo về lý do chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

2. Tại phiên họp xét kháng cáo quá hạn, phiên họp xét chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 275, khoản 2 Điều 276 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 29 TTLT số 02/2016.

3. Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc xét kháng cáo quá hạn, xét chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Tòa án và kiểm tra biên bản phiên họp.

4. Sau khi nhận được quyết định xét kháng cáo quá hạn, quyết định xét chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Tòa án, nếu phát hiện vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để thực hiện quyền kiến nghị.

**Điều 29. Lập hồ sơ kiểm sát**

Việc lập hồ sơ kiểm sát được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này; bổ sung đơn kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát (nếu có); bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị; tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cho Tòa án, do Tòa án, Viện kiểm sát thu thập ở giai đoạn phúc thẩm.

**Điều 30. Nghiên cứu hồ sơ vụ án**

Việc nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa, phiên họp tại Tòa án cấp phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên tập trung xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ mới, nội dung kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan để đề xuất quan điểm giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 31. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án**

Việc báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này. Báo cáo phải nêu rõ nội dung kháng cáo, kháng nghị; nhận xét, đánh giá nội dung kháng cáo, kháng nghị và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án.

**Điều 32. Viện kiểm sát xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm việc kháng nghị phúc thẩm**

1. Khi xét thấy cần xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát thực hiện quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 97 và Điều 106 BLTTDS.

2. Việc thông báo cho đương sự, chuyển tài liệu, chứng cứ do Viện kiểm sát thu thập cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 TTLT số 02/2016.

**Điều 33. Quyết định kháng nghị phúc thẩm**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát có quyền quyết định việc kháng nghị phúc thẩm. Việc ký quyết định kháng nghị được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 2 TTLT số 02/2016.

2. Thời hạn kháng nghị phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 280 và khoản 2 Điều 322 BLTTDS.

3. Quyết định kháng nghị phúc thẩm được lập theo mẫu do VKSND tối cao ban hành; thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 279 BLTTDS.

4. Việc gửi quyết định kháng nghị phúc thẩm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 279 và khoản 1 Điều 281 BLTTDS, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trường hợp Viện kiểm sát cấp trên kháng nghị thì gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra bản án, quyết định bị kháng nghị để theo dõi.

**Điều 34. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị phúc thẩm**

1. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 284 BLTTDS.

2. Trường hợp trước khi mở phiên tòa, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xét thấy có căn cứ rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới thì trao đổi với Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới đã kháng nghị để Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới xem xét rút kháng nghị; nếu Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới không nhất trí thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Tại phiên tòa phúc thẩm, việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị do Kiểm sát viên tham gia phiên tòa quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa, Kiểm sát viên báo cáo ngay việc thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị với lãnh đạo Viện kiểm sát và thông báo cho Viện kiểm sát đã kháng nghị biết.

**Điều 35. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phúc thẩm**

Việc kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này; đồng thời, kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo theo quy định tại Điều 284 BLTTDS.

**Điều 36. Kiểm sát việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm**

Khi kiểm sát việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

**Điều 37. Việc trình bày, hỏi, tranh luận, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm**

1. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên hỏi, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

2. Việc trình bày, tranh luận, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 30 TTLT số 02/2016.

**Điều 38. Kiểm sát việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm**

1. Khi nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp phúc thẩm xem xét quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, Kiểm sát viên nghiên cứu nội dung kháng cáo, kháng nghị; tài liệu, chứng cứ kèm theo; nội dung quyết định; căn cứ, thẩm quyền ra quyết định;

2. Tại phiên họp phúc thẩm xem xét quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trình bày, hỏi, tranh luận, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 35 và Điều 37 của Quy chế này.

3. Kiểm sát viên kiểm tra biên bản phiên họp, yêu cầu ghi sửa đổi, bổ sung biên bản phiên họp nếu cần thiết và ký xác nhận theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

**Điều 39. Báo cáo kết quả phiên tòa, phiên họp phúc thẩm**

Việc báo cáo kết quả phiên toà, phiên họp phúc thẩm thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này; đồng thời, thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án có bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 40. Kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm**

Việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

Viện kiểm sát ở cấp phúc thẩm phải sao gửi bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm kèm theo phiếu kiểm sát bản án, quyết định đó cho Viện kiểm sát cấp cao có thẩm quyền theo lãnh thổ.

**Mục 4**

**Kiểm sát việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật**

**theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm**

**Điều 41. Tiếp nhận, xử lý đơn, yêu cầu chuyển hồ sơ, rút hồ sơ**

1. Đơn đề nghị của đương sự; thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án, Viện kiểm sát các cấp, cơ quan, tổ chức được tiếp nhận, xử lý theo quy định tại các điều 327, 328 và 329 BLTTDS.

2. Viện trưởng VKSND tối cao, Kiểm sát viên VKSND tối cao, Viện trưởng VKSND cấp cao, Kiểm sát viên cao cấp thuộc VKSND cấp cao có quyền yêu cầu Toà án đã ra bản án, quyết định hoặc Tòa án đang quản lý hồ sơ vụ án chuyển hồ sơ để xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 20 TTLT số 02/2016.

3. VKSND tối cao có thể rút hồ sơ để xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND cấp cao.

**Điều 42. Lập hồ sơ kiểm sát**

Việc lập hồ sơ kiểm sát được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 29 của Quy chế này; bổ sung đơn, thông báo đề nghị xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Chánh án Tòa án; tài liệu, chứng cứ do Tòa án, Viện kiểm sát xác minh, thu thập, do đương sự giao nộp cho Tòa án ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm.

**Điều 43. Nghiên cứu hồ sơ vụ án**

1. Việc nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 30 của Quy chế này.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên tập trung nghiên cứu kỹ đơn, thông báo đề nghị xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; kháng nghị của Chánh án Tòa án có thẩm quyền; tài liệu, chứng cứ đã được thu thập ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm và nội dung của bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

2. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 336 BLTTDS và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 TTLT số 02/2016.

**Điều 44. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án**

Việc báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án được thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 31 của Quy chế này.

Báo cáo phải thể hiện rõ nội dung đơn, thông báo đề nghị giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; kháng nghị của Chánh án Tòa án; nội dung các quyết định giải quyết vụ án của Tòa án ở từng giai đoạn tố tụng; tài liệu, chứng cứ được thu thập trong giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm.

**Điều 45. Yêu cầu hoãn thi hành án**

Khi nghiên cứu đơn, thông báo đề nghị xem xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc khi nghiên cứu hồ sơ vụ án để xem xét việc kháng nghị mà xét thấy cần thiết thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét để yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoãn thi hành bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 332 và Điều 357 BLTTDS.

**Điều 46. Viện kiểm sát xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**

Việc xác minh, thu thập tàiliệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 97, Điều 106, Điều 330 BLTTDS và Điều 32 của Quy chế này.

**Điều 47. Thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**

1. Sau khi nghiên cứu đơn, thông báo đề nghị, hồ sơ vụ án nếu thấy không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát về việc không có căn cứ kháng nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 329 và Điều 357 BLTTDS.

Ở VKSND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao tự mình hoặc ủy quyền cho Kiểm sát viên VKSND tối cao thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn, thông báo;

Ở VKSND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn, thông báo.

2. Trường hợp VKSND cấp cao đã có văn bản thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục có đơn, thông báo đề nghị xem xét lại bản án, quyết định, thì VKSND tối cao có thể xem xét, giải quyết nếu có tài liệu, chứng cứ cho thấy việc thông báo không kháng nghị của VKSND cấp cao là không đúng.

Trường hợp có khiếu nại, tố cáo về việc thông báo không kháng nghị của VKSND cấp cao thì giải quyết theo thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo quy định tại Chương XLI BLTTDS.

**Điều 48. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**

1. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm phải nêu rõ căn cứ, điều kiện và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điều 326, 333, 352 và 357 BLTTDS; được lập theo mẫu do VKSND tối cao ban hành.

2. Việc gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 357 BLTTDS; đồng thời gửi Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị. Trường hợp VKSND cấp cao kháng nghị thì còn phải gửi cho VKSND tối cao.

3. Việc tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 332 và khoản 3 Điều 354 BLTTDS.

**Điều 49. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**

1. Việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 335 và Điều 357 BLTTDS.

Việc gửi quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 336, Điều 357 BLTTDS và hướng đẫn tại Điều 17 TTLT số 02/2016.

2. Tại phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm, nếu có tài liệu, chứng cứ hoặc căn cứ khác làm thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị; nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên toà và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Viện trưởng VKSND tối cao kháng nghị đưa vụ án ra xét xử tại Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm TAND cấp cao, nếu phát hiện tài liệu, chứng cứ hoặc căn cứ khác dẫn đến phải thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị thì xử lý như sau:

a) Trước khi mở phiên tòa, Kiểm sát viên của VKSND cấp cao được phân công kiểm sát tại phiên tòa phải báo cáo Viện trưởng VKSND cấp cao để báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao. Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao là quyết định cuối cùng.

b) Tại phiên tòa, Kiểm sát viên của VKSND cấp cao được phân công kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên toà và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; nhưng sau phiên tòa phải báo cáo ngay Viện trưởng VKSND cấp cao để báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao.

**Điều 50. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm**

Việc kiểm sát tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 35 của Quy chế này; đồng thời, kiểm sát việc cung cấp, thu thập tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa; việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của Chánh án Tòa án.

**Điều 51. Trình bày, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm**

Việc Kiểm sát viêntrình bày, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, yêu cầu, đề nghị, kiến nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm thực hiện theo quy định tại các điều 21, 58, 341 và 357 BLTTDS, hướng dẫn tại Điều 31 TTLT số 02/2016 và Điều 23 của Quy chế này.

**Điều 52. Báo cáo kết quả xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm**

Việc báo cáo kết quả phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 39 của Quy chế này.

**Điều 53. Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm**

1. Khi kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, Kiểm sát viên phải kiểm sát nội dung, thời hạn gửi quyết định theo quy định tại các điều 348, 350 và 357 BLTTDS.

2. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì xử lý như sau:

a) Đối với quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của TAND cấp cao thì báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

b) Đối với quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của HĐTP TAND tối cao thì báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

3. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng thì báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm.

4. VKSND cấp cao phải sao gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm kèm theo phiếu kiểm sát quyết định đó cho VKSND tối cao.

**Mục 5**

**Kiểm sát việc xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao**

**theo thủ tục đặc biệt**

**Điều 54. Phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc tình tiết quan trọng mới**

Vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc tình tiết quan trọng mới là căn cứ để Viện trưởng VKSND tối cao kiến nghị xem xét lại quyết định của HĐTP TANDTC theo thủ tục đặc biệt được phát hiện qua các nguồn sau đây:

1. Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm của HĐTP TAND tối cao;

2. Thông qua đơn đề nghị của đương sự; thông báo phát hiện vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

3. Thông qua kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa án;

4. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng;

5. Các nguồn khác.

**Điều 55. Kiến nghị xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao**

1. Kiểm sát viên VKSND tối cao được Viện trưởng VKSND tối cao phân công nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo để Viện trưởng VKSND tối cao quyết định việc kiến nghị với HĐTP TAND tối cao.

2. Sau khi Viện trưởng VKSND tối cao quyết định việc kiến nghị, Kiểm sát viên VKSND tối cao xây dựng văn bản kiến nghị trình Viện trưởng VKSND tối cao ký.

3. Việc gửi kiến nghị thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 TTLT số 02/2016.

**Điều 56. Nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập hồ sơ kiểm sát**

1. Kiểm sát viên VKSND tối cao được Viện trưởng phân công có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập hồ sơ kiểm sát để giúp Viện trưởng VKSND tối cao tham gia các phiên họp theo thủ tục đặc biệt.

2. Việc yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập hồ sơ kiểm sát thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 TTLT số 02/2016 và quy định của Quy chế này.

**Điều 57. Tham gia phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao**

1. Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền tham gia phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao.

2. Trường hợp Viện trưởng VKSND tối cao kiến nghị thì Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền trình bày nội dung kiến nghị, căn cứ của việc kiến nghị, phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án, chứng cứ cũ, chứng cứ bổ sung (nếu có) để làm rõ vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quyết định của HĐTP TAND tối cao hoặc tình tiết quan trọng mới làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định của HĐTP TAND tối cao.

3. Trường hợp xem xét kiến nghị của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội hoặc đề nghị của Chánh án TAND tối cao thì Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp của kiến nghị, đề nghị; nêu rõ quan điểm và lý do của việc nhất trí hoặc không nhất trí với kiến nghị, đề nghị đó theo quy định tại Điều 359 BLTTDS.

**Điều 58. Tham gia phiên họp xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao**

1. Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền tham gia phiên họp xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao.

2. Tại phiên họp, Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc có hay không có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc tình tiết quan trọng mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định của HĐTP TAND tối cao và quan điểm về việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 6 Điều 359 BLTTDS.

**Điều 59. Báo cáo kết quả các phiên họp trong thủ tục đặc biệt**

Phó Viện trưởng VKSND tối cao được Viện trưởng ủy quyền tham gia phiên họp thì sau khi kết thúc phiên họp phải báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao kết quả phiên họp của HĐTP TAND tối cao.

**Chương III**

**KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**Điều 60. Áp dụng các quy định về kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự đối với việc dân sự**

Những quy định của Chương này được áp dụng để kiểm sát giải quyết việc dân sự. Trường hợp Chương này không quy định thì áp dụng những quy định khác của Quy chế này để kiểm sát.

**Điều 61. Kháng nghị phúc thẩm**

1. Viện trưởng VKSND cấp huyện, Viện trưởng VKSND cấp tỉnh có quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định giải quyết việc dân sự của TAND cấp huyện; Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, Viện trưởng VKSND cấp cao có quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định giải quyết việc dân sự theo thủ tục sơ thẩm của TAND cấp tỉnh theo quy định tại Điều 371 BLTTDS.

2. Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát được gửi theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 279 và khoản 1 Điều 281 BLTTDS; đồng thời, gửi cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm thì gửi quyết định kháng nghị cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định bị kháng nghị.

**Điều 62. Kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**

1. Viện trưởng VKSND tối cao có quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối vớiquyết định giải quyết việc dân sự đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp cao; quyết định giải quyết việc dân sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của HĐTP TAND tối cao.

2. Viện trưởng VKSND cấp cao có quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định giải quyết việc dân sự đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

3. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát được gửi theo quy định tại Điều 336 và Điều 357 BLTTDS. Trường hợp Viện trưởng VKSND cấp cao kháng nghị thì phải gửi quyết định kháng nghị cho VKSND tối cao.

**Chương IV**

**QUAN HỆ CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, KIỂM TRA VÀ BÁO CÁO**

**Điều 63. Quan hệ công tác**

1. Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên về nghiệp vụ. Viện trưởng VKSND các cấp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao.

2. Khi kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 57 BLTTDS; Kiểm sát viên được Viện trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 58 BLTTDS và quy định của Quy chế này.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Kiểm sát viên tuân theo pháp luật và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình.

Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; có quyền rút, đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Kiểm sát viên.

Trường hợp Kiểm sát viên có quan điểm khác với quan điểm của Viện trưởng thì có quyền từ chối nhiệm vụ được giao và phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với Viện trưởng; trường hợp Viện trưởng vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và Kiểm sát viên phải chấp hành nhưng không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có thẩm quyền.

4. Trong vụ việc có nhiều Kiểm sát viên tham gia giải quyết thì Kiểm sát viên ở ngạch thấp hơn phải tuân theo sự chỉ đạo của Kiểm sát viên ở ngạch cao hơn; trường hợp các Kiểm sát viên có cùng ngạch thì lãnh đạo Viện kiểm sát phân công một Kiểm sát viên chịu trách nhiệm chỉ đạo.

5. Việc phân công, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng đơn vị, Viện kiểm sát được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, Viện kiểm sát đó.

**Điều 64. Chế độ hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiêp vụ**

1. VKSND tối cao hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Viện kiểm sát các cấp.

2. VKSND cấp cao hướng dẫn cho VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện trong phạm vi địa bàn theo lãnh thổ về nghiệp vụ kiểm sát việc giải quyết đối với các vụ việc cụ thể.

3. VKSND cấp tỉnh hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho VKSND cấp huyện trong phạm vi quản lý.

4. VKSND các cấp có trách nhiệm tự tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức trong phạm vi quản lý.

**Điều 65. Chế độ thông tin, báo cáo**

Chế độ thông tin, báo cáo trong kiểm sát giải quyết vụ việc dân sự thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân và Chế độ báo cáo thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp do Viện trưởng VKSND tối cao ban hành.

**Điều 66. Chế độ kiểm tra**

1. VKSND tối cao kiểm tra toàn diện công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự của VKSND các cấp.

2. VKSND cấp cao kiểm tra nghiệp vụ và việc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự đối với VKSND cấp dưới trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

3. VKSND cấp tỉnh kiểm tra toàn diện công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự đối với VKSND cấp huyện trong phạm vi thuộc thẩm quyền.

4. VKSND các cấp có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự trong phạm vi thẩm quyền.

5. Chế độ kiểm tra được thực hiện theo Quy chế công tác kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân.

**Điều 67. Chế độ thỉnh thị**

1. Thỉnh thị và trả lời thỉnh thị trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Trường hợp thỉnh thị về việc nhận thức và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thì Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, VKSND tối cao có trách nhiệm tham mưu, giúp lãnh đạo VKSND tối cao trả lời.

3. Trường hợp thỉnh thị về giải quyết vụ việc cụ thể thì đơn vị nghiệp vụ của VKSND cấp trên trực tiếp có trách nhiệm tham mưu, giúp lãnh đạo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp trả lời.

4. Trường hợp thỉnh thị về áp dụng quy chế, hệ thống biểu mẫu, sổ sách nghiệp vụ thì Vụ nghiệp vụ thuộc VKSND tối cao có trách nhiệm tham mưu, giúp lãnh đạo VKSND tối cao trả lời.

**Điều 68. Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ**

Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ trong kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ngành Kiểm sát nhân dân.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 69. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các quy định trước đây của ngành Kiểm sát nhân dân trái với Quy chế này bị bãi bỏ.

**Điều 70. Trách nhiệm thi hành**

1. Viện trưởng VKSND các cấp, Thủ trưởng đơn vị nghiệp vụ thuộc VKSND tối cao trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần bổ sung thì báo cáo VKSND tối cao (qua Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình) để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Viện trưởng VKSND tối cao quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **VIỆN TRƯỞNG** |

**MỤC LỤC**

[**PHẦN I**: Tình hình công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Khánh Hòa từ ngày 01/12/2016 đến ngày 30/9/2017 2](#_Toc496446951)

**[PHẦN II](#_Toc496446952)**[: Phân tích nguyên nhân một số vụ án của cấp sơ thẩm bị hủy trong thời gian từ 01/12/2016-30/09/2017](#_Toc496446952)

[8](#_Toc496446952)

**[PHẦN III](#_Toc496446958)**[: Kỹ năng kiểm sát xét xử việc giải quyết các vụ án dân sự - HNGĐ tại phiên tòa sơ thẩm](#_Toc496446958)

[31](#_Toc496446958)

**PHẦN IV**: [THAM LUẬN: Các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình](#_Toc496446959)

[40](#_Toc496446959)

[THAM LUẬN: Các biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ án dân sự, hôn nhân gia đình bị hủy, sửa](#_Toc496446960)

[46](#_Toc496446960)

**PHẦN V**: [Quy chế công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự](#_Toc496446961)

[53](#_Toc496446961)